
ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TÀI CHÍNH TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
NGÂN HÀNG VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG SMBC

Ngày 14 tháng 9 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	5
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ	5
Điều 2. Tên, Hình Thức Doanh Nghiệp, Con Dấu, Địa Chỉ Trụ Sở Chính và Phạm Vi Hoạt Động	10
Điều 3. Thời Hạn và Địa Điểm Hoạt Động	11
Điều 4. Mục Tiêu Hoạt Động.....	11
Điều 5. Phạm Vi Kinh Doanh	11
Điều 6. Các Hoạt Động Kinh Doanh Cụ Thể.....	11
Điều 6A: Ngành, nghề kinh doanh (phân loại theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam).....	12
Điều 7. Lãi Suất và Phí Trong Hoạt Động Kinh Doanh của Công Ty	13
Điều 8. Hoạt Động Ngân Hàng Điện Tử	13
Điều 9. Các Giới Hạn Bảo Đảm An Toàn Trong Hoạt Động Của Công Ty	13
CHƯƠNG II.....	13
VỐN ĐIỀU LỆ, THÀNH VIÊN GÓP VỐN, PHẦN VỐN GÓP	13
MỤC 1. VỐN ĐIỀU LỆ.....	13
Điều 10. Vốn Điều Lệ, Phương Thức Góp Vốn.....	13
Điều 11. Tăng, Giảm Vốn Điều Lệ	14
MỤC 2. THÀNH VIÊN GÓP VỐN.....	14
Điều 12. Thành Viên Góp Vốn	14
Điều 13. Quyền Của Thành Viên	17
Điều 14. Nghĩa Vụ Của Thành Viên	17
Điều 15. Sổ Đăng Ký Thành Viên.....	17
MỤC 3. PHẦN VỐN GÓP	18
Điều 16. Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp.....	18
Điều 17. Chuyển Nhượng và Mua Lại Phần Vốn Góp.....	19

Điều 18. Tăng Vốn Điều Lệ và Quyền Ưu Tiên Góp Thêm Vốn	19
CHƯƠNG III.....	20
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY	20
MỤC 1. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	20
Điều 19. Cơ Cấu Tổ Chức.....	20
Điều 20. Người Đại Diện Theo Pháp Luật	21
Điều 21. Hệ Thống Kiểm Soát Nội Bộ.....	21
Điều 22. Kiểm Toán Nội Bộ	21
Điều 23. Những Trường Hợp Không Được Đàm Nhiệm Chức Vụ	22
Điều 24. Những Trường Hợp Không Cùng Đàm Nhiệm Chức Vụ	24
Điều 25. Đương Nhiên Mất Tư Cách	24
Điều 26. Miễn Nhiệm và Bãi Nhiệm	25
Điều 27. Đình Chi, Tạm Đình Chi Chức Danh Thành Viên Hội Đồng Thành Viên, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc	26
Điều 28. Đề Cử và Bổ Nhiệm	26
Điều 29. Công Khai Các Lợi Ích Liên Quan	27
Điều 30. Quyền và Nghĩa Vụ Chung Của Người Quản Lý, Người Điều Hành Công Ty	27
Điều 31. Hợp Đồng, Giao Dịch Giữa Công Ty và Tổ Chức/Cá Nhân Khác Cần Chấp Thuận.....	28
Điều 32. Thù Lao, Tiền Lương, Thương và Các Lợi Ích Khác Của Người Quản Lý, Người Điều Hành Và Thành Viên Ban Kiểm Soát.....	29
MỤC 2. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	30
Điều 33. Hội Đồng Thành Viên	30
Điều 34. Tiêu Chuẩn và Điều Kiện Làm Thành Viên Hội Đồng Thành Viên.....	31
Điều 35. Quyền và Nghĩa Vụ Của Hội Đồng Thành Viên	31
Điều 36. Quyền và Nghĩa Vụ Của Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên.....	34
Điều 37. Quyền và Nghĩa Vụ Của Thành Viên Hội Đồng Thành Viên	35
Điều 38. Triệu Tập Hợp Hội Đồng Thành Viên	35
Điều 39. Điều Kiện và Thủ Thức Tiến Hành Hợp Hội Đồng Thành Viên.....	38
Điều 40. Nghị Quyết Hội Đồng Thành Viên	38
Điều 41. Biên Bản Hợp Hội Đồng Thành Viên	43

Điều 42. Thủ Tục Thông Qua Nghị Quyết Của Hội Đồng Thành Viên Theo Hình Thức Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản.....	44
Điều 43. Hiệu Lực Nghị Quyết và Quyết Định Của Hội Đồng Thành Viên.....	46
MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT	46
Điều 44. Ban Kiểm Soát	46
Điều 45. Nhiệm Vụ và Quyền Hạn Của Ban Kiểm Soát.....	48
Điều 46. Quyền và Nghĩa Vụ của Trưởng Ban Kiểm Soát.....	49
Điều 47. Quyền và Nghĩa Vụ của Thành Viên Ban Kiểm Soát.....	50
MỤC 4. TỔNG GIÁM ĐỐC	51
Điều 48. Tổng Giám Đốc.....	51
Điều 49. Quyền và Nghĩa Vụ Của Tổng Giám Đốc.....	51
Điều 50. Phòng Ban, Bộ Phận Hỗ Trợ và Nhân Sự	53
MỤC 5. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN.....	54
Điều 51. Người Lao Động và Công Đoàn	54
CHƯƠNG IV.....	54
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO	54
MỤC 1. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG.....	54
Điều 52. Chế Độ Tài Chính và Năm Tài Chính	54
Điều 53. Hệ Thống Kế Toán	54
Điều 54. Kiểm Toán Độc Lập	55
MỤC 2. TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	55
Điều 55. Trích Lập Các Quỹ.....	55
Điều 56. Mua, Đầu Tư Vào Tài Sản Cố Định.....	56
Điều 57. Phân Chia Lợi Nhuận	56
MỤC 3. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO	56
Điều 58. Công Bố Thông Tin và Bảo Mật Thông Tin	56
Điều 59. Báo Cáo	57
Điều 60. Chế Độ Lưu Giữ Tài Liệu.....	57
CHƯƠNG V	58
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN.....	58
Điều 61. Giải Quyết Tranh Chấp Nội Bộ	58

Điều 62. Kiểm Soát Đặc Biệt.....	59
Điều 63. Tổ Chức Lại	59
Điều 64. Giải Thê	59
Điều 65. Phá Sản	59
Điều 66. Thanh Lý.....	59
CHƯƠNG VI.....	60
CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC.....	60
Điều 67. Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ	60
Điều 68. Ngôn Ngữ và Bản Gốc	60
Điều 69. Hiệu Lực	60

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TÀI CHÍNH TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
NGÂN HÀNG VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG SMBC

Điều Lệ này (sau đây được gọi là “**Điều Lệ**”) được lập vào ngày 14 tháng 9 năm 2021 quy định về hoạt động của Công Ty Tài Chính Trách Nhiệm Hữu Hạn Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng (như được định nghĩa dưới đây), Luật Doanh Nghiệp (như được định nghĩa dưới đây) và các văn bản Luật áp dụng khác có liên quan của Việt Nam (như được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm).

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ

1. Trong Điều Lệ này, trừ trường hợp ngữ cảnh yêu cầu cách hiểu khác, các thuật ngữ sau đây có nghĩa như sau:
 - 1.1 “**Luật PCTNHL**” có nghĩa là (a) Luật Phòng, Chống Tham Nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành (bao gồm Nghị Định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng); và (b) bất kỳ quy định pháp luật nào khác được áp dụng liên quan đến phòng chống tham nhũng và hối lộ (bao gồm, trong phạm vi được áp dụng, Đạo Luật Chống Hối Lộ của Vương Quốc Liên Hiệp Anh 2010 và/hoặc Đạo Luật Chống Tham Nhũng Ở Nước Ngoài 1977 của Hoa Kỳ), và các quy định và quy tắc theo các đạo luật đó.
 - 1.2 “**Công Ty Liên Kết**” có nghĩa là bất kỳ công ty nào không phải là Công Ty Con của Công Ty và trong đó (i) Công Ty hoặc (ii) Công Ty cùng với Người Có Liên Quan của Công Ty sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết.
 - 1.3 “**Công Ty Kiểm Toán Thuộc Nhóm Bốn Công Ty Kiểm Toán Lớn**” có nghĩa là đơn vị kiểm toán tại Việt Nam của PricewaterhouseCoopers International Limited, KPMG International Limited, Ernst & Young Global Limited hoặc Deloitte Touche Tohmatsu Limited.
 - 1.4 “**Phần Vốn Góp**” có nghĩa là phần Vốn Điều Lệ được góp bởi một Thành Viên của Công Ty.
 - 1.5 “**Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp**” có nghĩa là giấy chứng nhận do Công Ty

- cấp cho một Thành Viên tương ứng với giá trị Phần Vốn Góp đã được góp bởi Thành Viên đó.
- 1.6 “**Điều Lệ**” có nghĩa như được quy định tại phần giới thiệu của Điều Lệ này.
 - 1.7 “**Công Ty**” có nghĩa là Công Ty Tài Chính Trách Nhiệm Hữu Hạn Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC.
 - 1.8 “**Vốn Điều Lệ**” có nghĩa là số vốn được góp bởi Các Thành Viên, được ghi nhận trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty và bằng hoặc cao hơn mức Vốn Pháp Định áp dụng tại từng thời điểm.
 - 1.9 “**Kế Toán Trưởng**” có nghĩa là kế toán trưởng của Công Ty.
 - 1.10 “**Tổng Giám Đốc**” có nghĩa là tổng giám đốc của Công Ty.
 - 1.11 “**Giám Đốc Tài Chính**” có nghĩa là giám đốc tài chính của Công Ty.
 - 1.12 “**Kiểm Soát**”, đối với bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào, có nghĩa là việc (i) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp chỉ đạo hoặc áp đặt chỉ đạo việc quản lý và các chính sách của Tổ Chức/Cá Nhân đó (cho dù là thông qua việc sở hữu chứng khoán hoặc trên cơ sở quan hệ đối tác hoặc thông qua các lợi ích sở hữu khác, bằng hợp đồng hoặc cách khác); (ii) có khả năng, cho dù được thực hiện hoặc nắm giữ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, quyền biểu quyết đối với trên 50% (năm mươi phần trăm) phiếu biểu quyết tại bất kỳ cuộc họp đại hội đồng cổ đông nào (hoặc cơ quan quản lý tương đương trong cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp) của Tổ Chức/Cá Nhân đó; hoặc (iii) có khả năng bổ nhiệm trên 50% (năm mươi phần trăm) số thành viên của hội đồng quản trị (hoặc cơ quan quản lý tương đương trong cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp) của Tổ Chức/Cá Nhân đó nhưng không bao gồm trường hợp một bên có thể bổ nhiệm trên 50% (năm mươi phần trăm) số người đại diện của các thành viên của hội đồng thành viên của Tổ Chức/Cá Nhân đó. Các thuật ngữ “**Đang Kiểm Soát**”, “**Bị Kiểm Soát Bởi**” và các từ tương tự sẽ được giải thích tương ứng.
 - 1.13 “**Phó Tổng Giám Đốc**” có nghĩa là phó tổng giám đốc của Công Ty.
 - 1.14 “**Biện Pháp Bảo Đảm**” có nghĩa là bất kỳ biện pháp thế chấp, cầm cố, tín chấp, đặc quyền, quyền ưu tiên, sự thế nợ, chuyển nhượng, quyền cầm giữ tài sản, quyền tịch biên tài sản, bù trừ nghĩa vụ hoặc các lợi ích bảo đảm khác dưới bất kỳ hình thức nào, lợi ích của bên thứ ba dưới bất kỳ hình thức nào hoặc các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ khác dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm, không giới hạn, bất kỳ quyền chọn, quyền ưu tiên mua, quyền yêu cầu bán kèm, quyền bán kèm, quyền chọn bán, quyền chọn mua hoặc hạn chế chuyển nhượng khác, khiếm khuyết quyền sở hữu, khiếu nại bất lợi, thuế phí, quyền đối với bất động sản liền kề (hoặc bất động sản của bên thứ ba) hoặc quyền về lối đi).
 - 1.15 “**Giá Trị Vốn Chủ Sở Hữu**” có nghĩa là giá trị tài sản ròng của Công Ty được

- xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ tổng nợ của Công Ty như được ghi nhận trong Báo Cáo Tài Chính.
- 1.16 “**GCNĐKDN**” có nghĩa là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty, được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm.
- 1.17 “**Người Điều Hành**” có nghĩa là Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng và Giám Đốc Chi Nhánh.¹
- 1.18 “**Báo Cáo Tài Chính**” có nghĩa là các báo cáo tài chính được kiểm toán của Công Ty cho một Năm Tài Chính, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (lợi nhuận và lỗ), báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, và nếu được áp dụng, các thuyết minh báo cáo đó.
- 1.19 “**Năm Tài Chính**” có nghĩa là một khoảng thời gian bắt đầu từ và bao gồm cả ngày 1 tháng 1 của một năm dương lịch đến và bao gồm cả ngày 31 tháng 12 của cùng năm dương lịch đó, như được quy định tại Điều 52.3 của Điều lệ này.
- 1.20 “**Các Quy Chế Nội Bộ**” có nghĩa là các quy trình, quy định và quy chế nội bộ của bất kỳ cơ quan hoặc cán bộ có thẩm quyền nào của Công Ty, bao gồm Hội Đồng Thành Viên, Ban Kiểm Soát và bất kỳ ủy ban hoặc cán bộ, bộ phận nào khác của Công Ty.
- 1.21 “**Luật**” có nghĩa là bất kỳ văn bản nào được liệt kê tại các Điều 2, 4, 172.2 và 172.4 của Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật số 80/2015/QH13 được Quốc Hội thông qua vào ngày 22 tháng 6 năm 2015, và như được sửa đổi bởi Luật số 63/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua vào ngày 18 tháng 6 năm 2020, và nếu các điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bao gồm bất kỳ văn bản nào sau đó được định nghĩa là một văn bản quy phạm pháp luật theo quy định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
- 1.22 “**Luật Doanh Nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.
- 1.23 “**Luật Các Tổ Chức Tín Dụng**” có nghĩa là Luật Các Tổ Chức Tín Dụng số 47/2010/QH12 được Quốc Hội thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 17/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng được Quốc Hội thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.
- 1.24 “**Vốn Pháp Định**” có nghĩa là mức vốn tối thiểu theo quy định của Luật đề thành lập và hoạt động Công Ty.
- 1.25 “**Giấy Phép**” có nghĩa là giấy phép thành lập và hoạt động công ty tài chính tín

¹ Điều 4.32, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

dụng tiêu dùng do NHNNVN cấp cho Công Ty, được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm.

- 1.26 “**Người Quản Lý**” có nghĩa là chủ tịch Hội Đồng Thành Viên, thành viên Hội Đồng Thành Viên và Tổng Giám Đốc.
- 1.27 “**Các Thành Viên**” có nghĩa là các thành viên góp vốn của Công Ty, tại từng thời điểm và “**Thành Viên**” có nghĩa là một trong số Các Thành Viên.
- 1.28 “**Hội Đồng Thành Viên**” có nghĩa là hội đồng thành viên của Công Ty.
- 1.29 “**Tổ Chức/Cá Nhân**” có nghĩa là bất kỳ cá nhân, công ty, đoàn thể (cho dù được thành lập ở bất kỳ nơi nào), chính phủ, nhà nước hoặc cơ quan nhà nước, hoặc bất kỳ liên doanh, hiệp hội, công ty hợp danh, hội đồng hoặc tổ chức đại diện người lao động (trong bất kỳ trường hợp nào, cho dù có hoặc không có tư cách pháp nhân).
- 1.30 “**Người Có Liên Quan**” có nghĩa là bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức hoặc cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:²
- a) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý hoặc thành viên ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - b) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý hoặc thành viên ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó, hoặc với công ty hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - c) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức hoặc cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - d) Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;
 - e) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân theo quy định tại điểm (d) của mục này của người quản lý, thành viên ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - f) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức hoặc cá nhân quy định tại các điểm (a), (b), (c), (d) và (e) của Điều 1.30 này với tổ chức hoặc cá

² Điều 4.28, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

nhân ủy quyền; giữa các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;

- g) Pháp nhân hoặc cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của Công Ty được xác định theo Các Quy Chế Nội Bộ hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của NHNNVN thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể.

1.31 “**Giao Dịch Với Người Có Liên Quan**” có nghĩa là bất kỳ giao dịch nào trong phạm vi của: (a) Điều 67 của Luật Doanh Nghiệp giữa một bên là Công Ty và một bên khác là người có liên quan của Công Ty; hoặc (b) Điều 67.2(l) của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng trong đó Công Ty là một bên tham gia.

1.32 “**NHNNVN**” có nghĩa là Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam.

1.33 “**SMBCCF**” có nghĩa là SMBC Consumer Finance Co. Ltd.

1.34 “**Nhà Nước**” có nghĩa là Nhà Nước của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

1.35 “**Công Ty Con**” có nghĩa là bất kỳ công ty nào thuộc một trong các trường hợp sau:³

- a) (i) Công Ty hoặc (ii) Công Ty và Người Có Liên Quan của Công Ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc
- b) Công Ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên hoặc tổng giám đốc (giám đốc) của Công Ty Con đó; hoặc
- c) Công Ty có quyền sửa đổi hoặc bổ sung điều lệ của Công Ty Con đó; hoặc
- d) Công Ty và Người Có Liên Quan của Công Ty trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết và quyết định của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị, hội đồng thành viên của Công Ty Con đó.

1.36 “**Ban Kiểm Soát**” có nghĩa là ban kiểm soát của Công Ty.

1.37 “**VCSC**” có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Bản Việt.

1.38 “**Đông Việt Nam**” hoặc “**VND**” có nghĩa là đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam.

1.39 “**VPBank**” có nghĩa là Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng.

2. Trong Điều Lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến một hoặc một số quy định khác hoặc văn

³ Điều 4.30, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của các quy định khác hoặc văn bản khác đó.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều) trong Điều Lệ này được quy định chỉ nhằm mục đích thuận tiện cho việc dẫn chiếu và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều Lệ này.
4. Bất kỳ từ ngữ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Điều Lệ này sẽ có cùng nghĩa với các từ ngữ hoặc thuật ngữ theo quy định của Luật áp dụng.

Điều 2. Tên, Hình Thức Doanh Nghiệp, Con Dấu, Địa Chỉ Trụ Sở Chính và Phạm Vi Hoạt Động

1. Tên Công Ty:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công Ty Tài Chính Trách Nhiệm Hữu Hạn Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC.
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Công Ty Tài Chính VPBank SMBC.
 - Tên bằng tiếng nước ngoài: VPBank SMBC Finance Company Limited.
 - Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: VPB SMBC FC.
 - Logo thương mại: **FE CREDIT**
 - Tên thương mại: FE Credit.
2. Hình thức doanh nghiệp: Công Ty là một tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh được thành lập và tổ chức theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.⁴
3. Con dấu: Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến con dấu của Công Ty (hình thức, kích cỡ, nội dung và màu mực dấu), số lượng con dấu và Các Quy Chế Nội Bộ về việc quản lý và sử dụng con dấu của Công Ty phù hợp với quy định của Luật. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo Các Quy Chế Nội Bộ.
4. Địa chỉ đăng ký của Công Ty: Tầng 2, Tòa Nhà REE Tower, Số 9 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 028.39115212

Fax: 028.39115213

Website: fecredit.com.vn

5. Công Ty có thể thành lập các Công Ty Con, chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị sự nghiệp tại Việt Nam. Công Ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động và/hoặc mục tiêu của Công Ty phù hợp với các quy định của Luật.

⁴ Điều 4.2, Thông Tư 30/2015/TT-NHNNVN.

6. Việc thành lập, chấm dứt và giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác theo quy định tại Điều 2.5 trên được thực hiện theo quy định của Luật áp dụng và các quy định của NHNNVN.

Điều 3. Thời Hạn và Địa Điểm Hoạt Động

1. Thời hạn hoạt động của Công Ty là năm mươi (50) năm kể từ ngày 30 tháng 1 năm 2007 hoặc đến một ngày khác muộn hơn được NHNNVN chấp thuận.
2. Việc gia hạn thời hạn hoạt động phải được NHNNVN chấp thuận theo quy định của Luật.
3. Địa bàn hoạt động: trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

Điều 4. Mục Tiêu Hoạt Động

Công Ty hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận và bảo toàn, tích lũy và phát triển vốn góp của Các Thành Viên trên cơ sở các hoạt động chính trong lĩnh vực tín dụng tiêu dùng, thực hiện các hoạt động kinh doanh theo Giấy Phép và các hoạt động khác phù hợp với quy định của Luật.

Điều 5. Phạm Vi Kinh Doanh

1. Công Ty có thể thực hiện tất cả các hoạt động kinh doanh phù hợp với Giấy Phép, GCNĐKDN, Điều Lệ này và quy định của Luật.
2. Công Ty có thể thực hiện hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và Luật khác có liên quan.

Điều 6. Các Hoạt Động Kinh Doanh Cụ Thể

Công Ty có thể thực hiện các hoạt động kinh doanh tài chính tín dụng tiêu dùng phù hợp với Giấy Phép, Luật áp dụng và các quy định của NHNNVN, bao gồm:

1. Huy động vốn dưới các hình thức sau đây:
 - 1.1 Nhận tiền gửi của tổ chức;
 - 1.2 Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;
 - 1.3 Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; và
 - 1.4 Vay Ngân Hàng Nhà Nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam.
2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây
 - 2.1 Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng; cho vay tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;
 - 2.2 Chiết khấu và tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác;

- 2.3 Phát hành thẻ tín dụng.
3. Các hoạt động khác:
- 3.1 Mở tài khoản tiền gửi tại NHNNVN;
- 3.2 Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- 3.3 Mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối;
- 3.4 Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng;
- 3.5 Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của NHNNVN;
- 3.6 Kinh doanh và cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNNVN quy định;
- 3.7 Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm;
- 3.8 Cung ứng dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư;
- 3.9 Tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính Phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNNVN và các giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật;
- 3.10 Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính Phủ, tổ chức, cá nhân để cấp tín dụng được phép theo quy định của NHNNVN; và
- 3.11 Gửi tiền, nhận tiền gửi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 6A: Ngành, nghề kinh doanh (phân loại theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) (Chi tiết: Hoạt động theo Giấy phép số 69/GP-NHNN ngày 20/10/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)	6499 (chính)	X

Điều 7. Lãi Suất và Phí Trong Hoạt Động Kinh Doanh của Công Ty⁵

1. Công Ty được quyền ấn định và phải niêm yết công khai các mức lãi suất huy động vốn và mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của Công Ty.
2. Công Ty có thể thỏa thuận với khách hàng về lãi suất và mức phí áp dụng mà Công Ty sẽ thu hoặc tính phí để cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của Công Ty theo quy định của Luật.

Điều 8. Hoạt Động Ngân Hàng Điện Tử⁶

Công Ty được thực hiện các hoạt động kinh doanh thông qua việc sử dụng các phương tiện điện tử theo hướng dẫn của NHNNVN về quản lý rủi ro và quy định của Luật giao dịch điện tử.

Điều 9. Các Giới Hạn Bảo Đảm An Toàn Trong Hoạt Động Của Công Ty

Trong quá trình hoạt động, Công Ty phải bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về các giới hạn để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và Luật áp dụng khác.

CHƯƠNG II**VỐN ĐIỀU LỆ, THÀNH VIÊN GÓP VỐN, PHẦN VỐN GÓP****MỤC 1. VỐN ĐIỀU LỆ****Điều 10. Vốn Điều Lệ, Phương Thức Góp Vốn**

1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là 10.928.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Mười Nghìn Chín Trăm Hai Mươi Tám Tỷ Đồng Việt Nam*) đã được Các Thành Viên góp đủ.
2. Phần Vốn Góp của từng Thành Viên vào Vốn Điều Lệ của Công Ty như sau:

STT	Thành Viên Góp Vốn	Phần Vốn Góp		
		Tỷ Lệ (%)	Giá Trị Phần Vốn Góp (VND)	Hình Thức Góp Vốn
1.	VPBank	50	5.464.000.000.000	Bằng tiền
2.	SMBCCF	49	5.354.720.000.000	Bằng tiền
3.	VCSC	1	109.280.000.000	Bằng tiền
Tổng Cộng		100	10.928.000.000.000	

⁵ Điều 91, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

⁶ Điều 97, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

3. **Vốn Điều Lệ** của Công Ty được hạch toán bằng Đồng Việt Nam (VND).
4. Công Ty phải bảo đảm duy trì giá trị thực góp của **Vốn Điều Lệ** ít nhất bằng với mức **Vốn Pháp Định**. Khi có quy định mới về việc điều chỉnh mức **Vốn Pháp Định** áp dụng cho Công Ty, phụ thuộc vào việc xin được chấp thuận trước của Hội Đồng Thành Viên, Các Thành Viên sẽ góp thêm vốn hoặc áp dụng hình thức tăng **Vốn Điều Lệ** khác cho Công Ty nhằm bảo đảm **Vốn Điều Lệ** không thấp hơn **Vốn Pháp Định** mới được điều chỉnh đó.

Điều 11. Tăng, Giảm Vốn Điều Lệ⁷

Vốn Điều Lệ có thể tăng hoặc giảm, phụ thuộc vào tình hình hoạt động của Công Ty và theo quyết định của Hội Đồng Thành Viên.

MỤC 2. THÀNH VIÊN GÓP VỐN

Điều 12. Thành Viên Góp Vốn

1. Thành Viên của Công Ty phải là pháp nhân. Tổng số Thành Viên của Công Ty không được vượt quá năm (05) Thành Viên. Tỷ lệ sở hữu tối đa của một Thành Viên và Người Có Liên Quan của Thành Viên đó không được vượt quá giới hạn sở hữu áp dụng theo quy định của Luật (nếu có).⁸
2. Công Ty thuộc sở hữu của Các Thành Viên sau đây:
 - 2.1. Thành Viên thứ nhất:
 - Tên công ty : **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**
 - Giấy phép thành lập và hoạt động : Số 94/GP-NHNN cấp bởi NHNNVN vào ngày 28 tháng 9 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm, và Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100233583 cấp lần đầu bởi Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội vào ngày 8 tháng 9 năm 1993, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm
 - Địa chỉ đăng ký : Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
 - Quốc tịch/Nơi thành lập : Việt Nam

⁷ Điều 6.2, Thông Tư 30/2015/TT-NHNN.

⁸ Điều 70.1, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

2.2. Thành Viên thứ hai:

- Tên công ty : **SMBC CONSUMER FINANCE CO., LTD.**
- Giấy chứng nhận thành lập : Giấy Chứng Nhận Thành Lập số 0100 – 01 – 008740
- Địa chỉ đăng ký : 4-12-15, Ginza, Chuo-ku, Tokyo 104-0061, Nhật Bản
- Quốc tịch/Nơi thành lập : Nhật Bản

2.3. Thành Viên thứ ba:

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**
- Giấy phép thành lập : Số 68/UBCK-GP cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam vào ngày 6 tháng 11 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm
- Địa chỉ đăng ký : Tầng 15, Tháp Tài Chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và Tầng 3, Tòa nhà Vinatex – Tài Nguyên, số 10 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Quốc tịch/Nơi thành lập : Việt Nam

3. Việc cử và bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền của Thành Viên được thực hiện theo thủ tục sau đây và quy định của Luật áp dụng (nếu có):⁹

- 3.1 Người đại diện theo ủy quyền của Thành Viên phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản, thay mặt và đại diện Thành Viên đó, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành Viên đó theo quy định của Luật áp dụng và Điều Lệ này.
- 3.2 Trường hợp Thành Viên cử nhiều người đại diện theo ủy quyền, Thành Viên phải xác định cụ thể phần vốn góp do từng người đại diện theo ủy quyền đại diện. Trường hợp Thành Viên không xác định phần vốn góp tương ứng cho từng người đại diện theo ủy quyền, thì Phần Vốn Góp của Thành Viên đó sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, bổ nhiệm, chấm dứt hoặc thay đổi bất kỳ người đại diện theo ủy quyền nào đều phải được thông báo bằng văn bản đến Công Ty và chỉ có hiệu lực ràng buộc đối với Công Ty kể từ ngày Công Ty nhận được thông báo đó hoặc từ ngày việc bổ nhiệm đó được NHNNVN chấp thuận, tùy thuộc vào ngày nào đến muộn hơn. Văn bản bổ nhiệm

⁹ Điều 14, Luật Doanh Nghiệp.

người đại diện theo ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Thành Viên;
- b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ phần vốn góp tương ứng đại diện bởi từng người đại diện theo ủy quyền;
- c) Họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
- d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền của từng người đại diện theo ủy quyền;
- e) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Thành Viên và của những người đại diện theo ủy quyền; và
- f) Các thông tin khác theo quy định của Luật hoặc yêu cầu của NHNNVN hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác.

- 3.3 Phụ thuộc vào quyền của Thành Viên đối với việc miễn nhiệm và thay thế bất kỳ người đại diện theo ủy quyền nào được Thành Viên đó bổ nhiệm, thời hạn bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền được quy định cụ thể bởi Thành Viên trong thông báo gửi đến Công Ty về việc bổ nhiệm đó và phụ thuộc vào việc nhiệm kỳ của người đại diện theo ủy quyền không vượt quá nhiệm kỳ của Hội Đồng Thành Viên hiện hữu (tuy nhiên người đại diện đó có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế).
- 3.4 Người đại diện theo ủy quyền nhân danh Thành Viên ủy quyền thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Thành Viên đó trong Hội Đồng Thành Viên theo quy định của Luật áp dụng. Bất kỳ hạn chế nào của Thành Viên ủy quyền đối với quyền hạn của người đại diện theo ủy quyền liên quan đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành Viên đó trong Hội Đồng Thành Viên đều không được thừa nhận, và không có hiệu lực ràng buộc đối với bất kỳ bên thứ ba nào.¹⁰
- 3.5 Người đại diện theo ủy quyền có quyền tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Thành Viên, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Thành Viên trong Hội Đồng Thành Viên một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, nhằm mục đích bảo vệ và tối đa lợi ích của Thành Viên ủy quyền và Công Ty.
- 3.6 Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước Thành Viên ủy quyền đối với bất kỳ vi phạm nghĩa vụ nào được quy định tại Điều Lệ này. Thành Viên ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với bất kỳ nghĩa vụ nào phát sinh có liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện

¹⁰ Điều 15.1, Luật Doanh Nghiệp.

theo ủy quyền.

Điều 13. Quyền Của Thành Viên¹¹

Thành Viên sẽ có các quyền sau đây:

1. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm (những) người đại diện theo ủy quyền của mình làm thành viên Hội Đồng Thành Viên hoặc Ban Kiểm Soát trên cơ sở Phần Vốn Góp của mình trong Công Ty theo quy định của Điều lệ này;
2. Được cung cấp thông tin và các báo cáo về tình hình hoạt động của Hội Đồng Thành Viên và Ban Kiểm Soát, sổ sách kế toán, Báo Cáo Tài Chính hàng năm và các giấy tờ và tài liệu khác của Công Ty;
3. Được chia lợi nhuận tương ứng với Phần Vốn Góp sau khi Công Ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ tài chính khác;
4. Được chia tài sản còn lại của Công Ty tương ứng với Phần Vốn Góp khi Công Ty giải thể hoặc phá sản;
5. Khiếu nại, hoặc khởi kiện bất kỳ thành viên nào của Hội Đồng Thành Viên, Ban Kiểm Soát hoặc Tổng Giám Đốc không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ và/hoặc trách nhiệm của họ mà gây tổn thất đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công Ty hoặc Thành Viên; và
6. Các quyền khác (như quyền chuyển nhượng Phần Vốn Góp) theo quy định của Luật, Điều Lệ và các thỏa thuận khác bằng văn bản giữa Các Thành Viên.

Điều 14. Nghĩa Vụ Của Thành Viên¹²

Thành Viên sẽ có các nghĩa vụ sau:

1. Không được rút Phần Vốn Góp đã góp dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp chuyển nhượng Phần Vốn Góp theo quy định tại Điều 71 của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng;
2. Tuân thủ Điều Lệ của Công Ty; và
3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật và Điều Lệ này.

Điều 15. Sổ Đăng Ký Thành Viên¹³

1. Công Ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký thành viên tại trụ sở chính của Công Ty ngay sau khi được cấp GCNĐKDN. Sổ đăng ký thành viên có thể là văn bản giấy hoặc tập hợp dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về Phần Vốn Góp của Các Thành Viên của Công Ty.
2. Sổ đăng ký thành viên phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

¹¹ Điều 70, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

¹² Điều 70, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

¹³ Điều 48, Luật Doanh Nghiệp.

- 2.1 Tên, mã số doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;
 - 2.2 Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của từng Thành Viên;
 - 2.3 Phần Vốn Góp, tỷ lệ Phần Vốn Góp đã góp, ngày góp vốn; loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn của từng Thành Viên;
 - 2.4 Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của từng Thành Viên; và
 - 2.5 Số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp của từng Thành Viên.
3. Công Ty sẽ cập nhật kịp thời các thay đổi của bất kỳ Thành Viên nào trong sổ đăng ký thành viên theo yêu cầu của Thành Viên có liên quan phù hợp với quy định của Điều Lệ này.

MỤC 3. PHẦN VỐN GÓP

Điều 16. Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp¹⁴

1. Vào thời điểm Thành Viên góp đủ Phần Vốn Góp, Công Ty sẽ cấp Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp cho Thành Viên đó tương ứng với giá trị Phần Vốn Góp đã góp. Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 1.1 Tên, mã số doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;
 - 1.2 Vốn Điều Lệ của Công Ty;
 - 1.3 Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, và địa chỉ trụ sở chính của Thành Viên;
 - 1.4 Phần Vốn Góp và tỷ lệ Phần Vốn Góp đã góp của Thành Viên;
 - 1.5 Số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp; và
 - 1.6 Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
2. Trường hợp Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp của Thành Viên bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì Thành Viên sẽ được cấp lại giấy chứng nhận mới, bằng chi phí của mình, và giấy chứng nhận này sẽ quy định rõ ràng rằng đây là Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp thay thế.
 - 2.1 Công Ty cấp lại Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp cho Thành Viên theo đề nghị của Thành Viên đó. Đề nghị cấp lại Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp phải có các nội dung cụ thể sau đây:
 - a) Thông tin về Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp đã bị mất, bị cháy, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; trường hợp bị mất, Thành

¹⁴ Điều 47, Luật Doanh Nghiệp.

Viên phải cam kết thêm rằng Thành Viên sẽ nỗ lực tối đa tiến hành tìm kiếm Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp bị mất và nếu tìm lại được, Thành Viên sẽ trả lại cho Công Ty Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp này để tiêu hủy;

- b) Thành Viên sẽ chịu trách nhiệm về bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp.

2.2 Trước khi cấp Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp thay thế, người đại diện theo pháp luật của Công Ty sẽ yêu cầu Thành Viên có liên quan đăng thông báo công khai về việc Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp bị mất, bị cháy, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác.

3. Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp sẽ được cấp cho Thành Viên mới (thành viên sẽ trở thành Thành Viên của Công Ty bằng hình thức góp thêm Phần Vốn Góp mới hoặc mua lại Phần Vốn Góp từ Thành Viên hiện hữu của Công Ty) khi trở thành Thành Viên mới của Công Ty.

Điều 17. Chuyển Nhượng và Mua Lại Phần Vốn Góp¹⁵

1. Trong phạm vi được phép theo Luật, và phù hợp với quy định của Luật, Thành Viên có thể chuyển nhượng Phần Vốn Góp của mình, nhưng việc chuyển nhượng phải được thực hiện theo quy định tại Điều 17.2 dưới đây. Mỗi Thành Viên sẽ có quyền ưu tiên đăng ký góp thêm vốn theo tỷ lệ Phần Vốn Góp của Thành Viên đó khi Công Ty tăng Vốn Điều Lệ phù hợp với quy định của Luật.
2. Việc chuyển nhượng hoặc mua lại Phần Vốn Góp phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật, Điều Lệ này và các quy định có liên quan về hình thức tổ chức của tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng, quy định của Luật áp dụng khác và các thỏa thuận bằng văn bản giữa Các Thành Viên.

Điều 18. Tăng Vốn Điều Lệ và Quyền Ưu Tiên Góp Thêm Vốn

Tăng Vốn Điều Lệ

1. Phụ thuộc vào Điều 18.2 dưới đây và các chấp thuận nội bộ hoặc chấp thuận cần thiết hoặc phải có theo quy định pháp luật, nếu Công Ty dự kiến huy động thêm bất kỳ Phần Vốn Góp từ bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào ("**Tăng Vốn Điều Lệ**"), Công Ty trước tiên sẽ cấp cho Thành Viên quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) góp thêm Phần Vốn Góp dự định tăng thêm trong đợt Tăng Vốn Điều Lệ đó tối đa tương ứng với Tỷ Lệ Phần Vốn Góp Hiện Hữu của Thành Viên đó, với cùng điều khoản và giá được chào bán trong đợt Tăng Vốn Điều Lệ ("**Quyền Ưu Tiên Góp Thêm Vốn**"). "**Tỷ Lệ Phần Vốn Góp Hiện Hữu**" của một Thành Viên có nghĩa là tỷ lệ Phần Vốn Góp mà Thành Viên đó sở hữu (trước đợt Tăng Vốn Điều Lệ) trong Vốn Điều Lệ đã góp ngay trước ngày Tăng Vốn

¹⁵ Điều 27, Thông Tư 30/2015/TT-NHNN.

Điều Lệ .

Thủ Tục Thực Hiện Quyền Ưu Tiên Góp Thêm Vốn

2. Trừ trường hợp trái với quy định của Luật áp dụng:
 - 2.1 Công Ty sẽ gửi thông báo bằng văn bản (“**Thông Báo Tăng Vốn Điều Lệ**”) đến từng Thành Viên trong đó nêu rõ: (i) ý định của Công Ty về đợt Tăng Vốn Điều Lệ, (ii) Phần Vốn Góp dự định được huy động trong đợt Tăng Vốn Điều Lệ và (iii) các điều khoản và giá Công Ty dự định chào bán đối với Phần Vốn Góp trong đợt Tăng Vốn Điều Lệ.
 - 2.2 Từng Thành Viên có thể lựa chọn thực hiện toàn bộ hoặc một phần quyền của Thành Viên đó theo Điều 18.2 này bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho Công Ty trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi Thành Viên nhận được Thông Báo Tăng Vốn Điều Lệ.
 - 2.3 Nếu một Thành Viên không thực hiện Quyền Ưu Tiên Góp Thêm Vốn đối với bất kỳ Phần Vốn Góp nào được chào bán trong đợt Tăng Vốn Điều Lệ, Thành Viên đó sẽ chuyển nhượng không hủy ngang tất cả các quyền và lợi ích liên quan đến việc góp Phần Vốn Góp được đề nghị góp đó cho Các Thành Viên khác hoặc (nếu Luật áp dụng không cho phép Thành Viên đó chuyển Quyền Ưu Tiên Góp Thêm Vốn cho Các Thành Viên khác như vậy) bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác do Các Thành Viên khác chỉ định, với điều kiện Tổ Chức/Cá Nhân này được phép tham gia vào đợt Tăng Vốn Điều Lệ theo quy định của Luật áp dụng.
 - 2.4 Việc một Thành Viên quyết định không thực hiện Quyền Ưu Tiên Góp Thêm Vốn theo Điều 18.2 này trong bất kỳ đợt tăng vốn nào sẽ không ảnh hưởng đến quyền của Thành Viên đó theo quy định của Điều Lệ này trong bất kỳ đợt Tăng Vốn Điều Lệ nào trong tương lai.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

MỤC 1. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 19. Cơ Cấu Tổ Chức¹⁶

1. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công Ty bao gồm:
 - 1.1 Hội Đồng Thành Viên (bao gồm chủ tịch và tất cả các thành viên Hội Đồng Thành Viên);
 - 1.2 Ban Kiểm Soát; và
 - 1.3 Tổng Giám Đốc.
2. Công Ty có thể thành lập các phòng ban hoặc bộ phận chuyên trách cần thiết cho hoạt

¹⁶ Điều 32.2 Luật Các Tổ Chức Tín Dụng; Điều 54 Luật Doanh Nghiệp.

động của Công Ty. Việc thành lập và cơ cấu nhân sự cho các phòng ban hoặc bộ phận này sẽ do Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc quyết định theo quy định của Luật áp dụng và Các Quy Chế Nội Bộ.

Điều 20. Người Đại Diện Theo Pháp Luật¹⁷

1. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên là người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty phải cư trú tại Việt Nam, và trong trường hợp vắng mặt ở Việt Nam, người đại diện theo pháp luật phải ủy quyền bằng văn bản cho Người Quản Lý hoặc Người Điều Hành khác của Công Ty đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Điều 21. Hệ Thống Kiểm Soát Nội Bộ¹⁸

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, và cơ cấu tổ chức của Công Ty, được xây dựng phù hợp với quy định của NHNNVN và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phát hiện, phòng ngừa và xử lý kịp thời rủi ro nhằm đạt được các yêu cầu đề ra.
2. Công Ty phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:
 - 2.1 Hiệu quả và an toàn trong hoạt động;
 - 2.2 Quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - 2.3 Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
 - 2.4 Tuân thủ Luật, Các Quy Chế Nội Bộ và quy trình nội bộ.
3. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công Ty phải được kiểm toán và đánh giá định kỳ bởi (a) kiểm toán nội bộ và (b) tổ chức kiểm toán độc lập.
4. Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp và hoạt động có hiệu quả; tổ chức kiểm tra, đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ tuân thủ các quy định liên quan của Luật về hệ thống kiểm soát nội bộ (được áp dụng đối với Công Ty).

Điều 22. Kiểm Toán Nội Bộ¹⁹

1. Công Ty phải thành lập và duy trì một bộ phận chuyên trách thuộc Ban Kiểm Soát để thực hiện kiểm toán nội bộ của Công Ty. Đơn vị kiểm toán nội bộ này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm Soát.
2. Đơn vị kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát và đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ, đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ Các Quy Chế

¹⁷ Điều 12, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

¹⁸ Điều 40, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

¹⁹ Điều 41, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

Nội Bộ, chính sách, và thủ tục và quy trình đã được thiết lập trong Công Ty và đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình và quy định nhằm góp phần bảo đảm Công Ty hoạt động an toàn và hiệu quả theo quy định của Luật.

3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội Đồng Thành Viên, Ban Kiểm Soát và gửi Tổng Giám Đốc.
4. (a) Tổ chức hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của đơn vị kiểm toán nội bộ, (b) chính sách và kế hoạch kiểm toán nội bộ, (c) chế độ báo cáo và lưu hồ sơ, và (d) tài liệu sử dụng để thực hiện kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định của NHNNVN.

Điều 23. Những Trường Hợp Không Được Đảm Nhiệm Chức Vụ²⁰

1. Những người sau đây không được là Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng, giám đốc chi nhánh hoặc Công Ty Con của Công Ty:
 - 1.1 Người chưa thành niên và người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - 1.2 Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án hoặc quyết định về hình sự của tòa án;
 - 1.3 Người đã bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - 1.4 Người đã bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
 - 1.5 Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà Nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà Nước tại Công Ty;
 - 1.6 Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân Đội Nhân Dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công An Nhân Dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà Nước tại Công Ty;
 - 1.7 Người đã từng bị bãi nhiệm chức danh chủ tịch hoặc thành viên hội đồng thành viên, trưởng ban hoặc thành viên ban kiểm soát, tổng giám đốc hoặc giám đốc của (i) Công Ty hoặc (ii) bất kỳ Thành Viên nào, mà không phải do hết nhiệm kỳ hoặc tự nguyện từ nhiệm (không phát sinh từ bất kỳ tranh chấp hoặc tranh chấp có khả năng xảy ra nào giữa Công Ty hoặc Thành Viên với cá nhân đó), luân chuyển công tác hay kế hoạch thay đổi nhân sự thông thường; và
 - 1.8 Người đã từng bị Công Ty xử lý kỷ luật với hình thức sa thải theo quy định của Luật.
2. Cha mẹ (kể cả cha mẹ nuôi), vợ, chồng, con (kể cả con nuôi), anh, chị, em ruột của

²⁰ Điều 33, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

thành viên Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám Đốc và vợ hoặc chồng của những người này sẽ không được làm Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng hoặc người phụ trách tài chính của Công Ty.

3. Những người sau đây không được là thành viên Hội Đồng Thành Viên, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc của Công Ty:
 - 3.1 Người thuộc đối tượng quy định tại Điều 23.1 trên;
 - 3.2 Người thuộc đối tượng không được tham gia hoạt động quản lý, điều hành theo quy định của Luật về cán bộ, công chức Nhà Nước và Luật về phòng, chống tham nhũng;
 - 3.3 Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, giám đốc (tổng giám đốc), chủ tịch và thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch và thành viên hội đồng thành viên, trưởng ban và thành viên ban kiểm soát của doanh nghiệp, chủ nhiệm và các thành viên ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hoặc hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
 - 3.4 Người đã từng là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động hoặc bị buộc giải thể do vi phạm Luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh và củng cố doanh nghiệp đó;
 - 3.5 Người đã từng bị đình chỉ chức danh chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, tổng giám đốc (giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng hoặc người đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
 - 3.6 Người Có Liên Quan của thành viên Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc không được là thành viên Ban Kiểm Soát.
 - 3.7 Người Có Liên Quan của chủ tịch Hội Đồng Thành Viên không được là Tổng Giám Đốc; hoặc
 - 3.8 Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc Công Ty bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất (áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của Luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng).

Điều 24. Những Trường Hợp Không Cùng Đảm Nhiệm Chức Vụ²¹

1. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên không được đồng thời là Người Điều Hành của Công Ty và người điều hành tổ chức tín dụng khác.
2. Thành viên Hội Đồng Thành Viên của Công Ty:
 - 2.1. không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm Soát của Công Ty; và
 - 2.2. không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức tín dụng đó là VPBank (nếu Công Ty vẫn còn là công ty con của VPBank) hoặc Công Ty Con của Công Ty.
3. Thành viên Ban Kiểm Soát (bao gồm trưởng Ban Kiểm Soát) của Công Ty:
 - 3.1 không được đồng thời là thành viên Hội Đồng Thành Viên, hoặc Người Điều Hành hoặc nhân viên của Công Ty hoặc Công Ty Con của Công Ty; hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám Đốc của Công Ty là thành viên hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
 - 3.2 không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội Đồng Thành Viên hoặc Người Điều Hành của Công Ty.
4. Trưởng Ban Kiểm Soát không được đồng thời là thành viên ban kiểm soát hoặc người quản lý của tổ chức tín dụng khác.
5. Tổng Giám Đốc và Phó Tổng Giám Đốc của Công Ty không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên hoặc thành viên ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công Ty Con của Công Ty.
Phó Tổng Giám Đốc của Công Ty không được đồng thời là tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc (phó giám đốc) hoặc các chức danh hoặc vị trí tương đương của doanh nghiệp khác.
6. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên và Tổng Giám Đốc của Công Ty không được đồng thời là chủ tịch hoặc thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hoặc thành viên hội đồng thành viên, chủ tịch công ty, tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc (phó giám đốc) hoặc các chức danh hoặc vị trí tương đương của doanh nghiệp khác.

Điều 25. Đương Nhiên Mất Tư Cách²²

1. Thành viên Hội Đồng Thành Viên, Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:

²¹ Điều 34, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

²² Điều 35, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

- 1.1 Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
 - 1.2 Vi phạm quy định tại Điều 23 của Điều Lệ này;
 - 1.3 Là người đại diện Phần Vốn Góp của bất kỳ Thành Viên nào của Công Ty khi Thành Viên đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - 1.4 Không còn là người đại diện Phần Vốn Góp theo ủy quyền của Thành Viên;
 - 1.5 Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
 - 1.6 Khi Công Ty bị thu hồi Giấy Phép; hoặc
 - 1.7 Đối với Tổng Giám Đốc, hợp đồng lao động của Tổng Giám Đốc hết hiệu lực (do hết thời hạn hoặc vì lý do khác).
2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày có nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Điều 25.1 trên, Hội Đồng Thành Viên phải có văn bản báo cáo gửi NHNNVN kèm tài liệu chứng minh rằng cá nhân có liên quan đương nhiên mất tư cách và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này. Hội Đồng Thành Viên phải thực hiện các thủ tục để bầu và/hoặc bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của Luật.
3. Trường hợp đương nhiên mất tư cách, cá nhân đã từng là thành viên Hội Đồng Thành Viên, Ban Kiểm Soát hoặc Tổng Giám Đốc vẫn phải chịu trách nhiệm đối với các quyết định mà họ đã đưa ra trong thời gian đương nhiệm.

Điều 26. Miễn Nhiệm và Bãi Nhiệm²³

1. Chủ tịch hoặc thành viên Hội Đồng Thành Viên, trưởng ban hoặc thành viên Ban Kiểm Soát hoặc Tổng Giám Đốc của Công Ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - 1.1 Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - 1.2 Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định đối với các chức danh đó theo quy định tại Điều Lệ này và Luật áp dụng;
 - 1.3 Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội Đồng Thành Viên (đối với thành viên Hội Đồng Thành Viên) hoặc Ban Kiểm Soát (đối với thành viên Ban Kiểm Soát);
 - 1.4 Không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Thành Viên, Ban Kiểm Soát trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp lý do bất khả kháng (nội dung này không áp dụng đối với Tổng Giám Đốc);
 - 1.5 Bị cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền xác định là vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều Lệ này và/hoặc các quy định của Luật áp dụng trong quá trình thực hiện

²³ Điều 36, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

nhiệm vụ, quyền hạn được giao gây thiệt hại cho Công Ty;

- 1.6 Không còn là người đại diện theo ủy quyền của Thành Viên; hoặc
- 1.7 Các trường hợp khác theo quy định của Luật.
2. Cá nhân từng là chủ tịch hoặc thành viên Hội Đồng Thành Viên, trưởng ban hoặc thành viên Ban Kiểm Soát hoặc Tổng Giám Đốc sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm đối với các quyết định mà họ đã đưa ra trong thời gian đương nhiệm.
3. Hội Đồng Thành Viên phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNNVN theo quy định của Luật trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại Điều 26.1 này.

Điều 27. Đình Chi, Tạm Đình Chi Chức Danh Thành Viên Hội Đồng Thành Viên, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc²⁴

1. Trường hợp Công Ty bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm Soát Đặc Biệt do NHNNVN thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền và nghĩa vụ của chủ tịch và các thành viên Hội Đồng Thành Viên, trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm Soát, hoặc Người Điều Hành của Công Ty nếu xét thấy cần thiết.
2. NHNNVN có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền và nghĩa vụ của chủ tịch và các thành viên Hội Đồng Thành Viên, trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm Soát, hoặc Tổng Giám Đốc của Công Ty vi phạm quy định tại Điều 23 Điều Lệ này hoặc quy định của Luật áp dụng trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao nếu xét thấy cần thiết, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu Ban Kiểm Soát Đặc Biệt xét thấy cần thiết.
3. Bất kỳ người nào bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các vấn đề tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNNVN, Hội Đồng Thành Viên, Ban Kiểm Soát của Công Ty, Ban Kiểm Soát Đặc Biệt hoặc cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền (tùy từng trường hợp áp dụng).

Điều 28. Đề Cử và Bổ Nhiệm²⁵

1. Thành Viên sẽ đề cử và bổ nhiệm thành viên Hội Đồng Thành Viên, thành viên Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc theo quy định tại Điều 33, 44 và 48 của Điều Lệ này.
2. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội Đồng Thành Viên, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc của Công Ty phải được NHNNVN chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bổ nhiệm làm thành viên Hội Đồng Thành Viên, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc của Công Ty phải thuộc danh sách đã được NHNNVN chấp thuận. Trình tự, thủ

²⁴ Điều 37, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

²⁵ Điều 51, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

tục, hồ sơ đề nghị chấp thuận thực hiện theo quy định của NHNNVN.

3. Công Ty phải gửi văn bản thông báo cho NHNNVN danh sách những người được bổ nhiệm vào các chức danh theo quy định tại Điều 28.1 trên trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày bổ nhiệm.

Điều 29. Công Khai Các Lợi Ích Liên Quan²⁶

Thành viên Hội Đồng Thành Viên, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và các cá nhân giữ chức danh hoặc vị trí tương đương, theo quy định của Các Quy Chế Nội Bộ, phải kê khai các lợi ích của các bên liên quan của họ với Công Ty theo đúng quy định sau đây và Luật áp dụng:

1. Thành viên Hội Đồng Thành Viên, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính²⁷ và các cá nhân giữ chức danh hoặc vị trí tương đương của Công Ty phải công khai với Công Ty các thông tin sau đây:
 - 1.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và Người Có Liên Quan sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân hoặc tổ chức khác sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên; và
 - 1.2 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và Người Có Liên Quan đang là thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên, thành viên ban kiểm soát, tổng giám đốc (giám đốc).
2. Việc công khai thông tin quy định tại Điều 29.1 trên đây và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh sự kiện liên quan đến việc thông báo thông tin đó.
3. Công Ty phải công khai thông tin quy định tại Điều 29.1 trên đây định kỳ hàng năm cho Hội Đồng Thành Viên của Công Ty và niêm yết, lưu giữ thông tin đó tại trụ sở chính của Công Ty.
4. Công Ty phải gửi văn bản thông báo cho NHNNVN các thông tin quy định tại Điều 29.1 trên đây trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Công Ty nhận được thông tin công khai (theo quy định tại Điều 29.2 trên đây).

Điều 30. Quyền và Nghĩa Vụ Chung Của Người Quản Lý, Người Điều Hành Công Ty²⁸

1. Quyền chung của Người Quản Lý và Người Điều Hành của Công Ty:

²⁶ Điều 39, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

²⁷ Điều 39.1, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

²⁸ Điều 38, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

- 1.1 Được hưởng thù lao, tiền lương và lợi ích khác theo quy định tại Điều Lệ này và Luật áp dụng;
 - 1.2 Được tham gia quản lý và điều hành hoạt động của Công Ty trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Công Ty, Các Quy Chế Nội Bộ và Luật áp dụng; và
 - 1.3 Các quyền khác theo quy định tại Điều Lệ này, Các Quy Chế Nội Bộ và Luật áp dụng.
2. Nghĩa vụ chung của Người Quản Lý và Người Điều Hành của Công Ty:
- 2.1 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật, Điều Lệ này, Các Quy Chế Nội Bộ và nghị quyết và quyết định của Các Thành Viên;
 - 2.2 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được phân công một cách trung thực, cẩn trọng và tốt nhất vì lợi ích của Công Ty và Các Thành Viên;
 - 2.3 Trung thành với lợi ích của Công Ty, không sử dụng thông tin, bí quyết hoặc cơ hội kinh doanh của Công Ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, quyền hạn và tài sản của Công Ty để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức và cá nhân khác hoặc làm tổn hại đến lợi ích của Công Ty và Các Thành Viên;
 - 2.4 Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Công Ty để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Công Ty, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNNVN;
 - 2.5 Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của Công Ty;
 - 2.6 Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty thông tin về quyền lợi của mình tại các tổ chức khác, các giao dịch với tổ chức và cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty và chỉ tham gia vào các giao dịch đó khi Hội Đồng Thành Viên đã chấp thuận;
 - 2.7 Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Công Ty hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Công Ty;
 - 2.8 Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc Người Có Liên Quan của mình vay vốn hoặc sử dụng các dịch vụ khác của Công Ty với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Luật và Các Quy Chế Nội Bộ;
 - 2.9 Không được tăng lương, thù lao, hoặc nhận thưởng khi Công Ty bị lỗ; và
 - 2.10 Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ này, Các Quy Chế Nội Bộ và Luật.

Điều 31. Hợp Đồng, Giao Dịch Giữa Công Ty và Tổ Chức/Cá Nhân Khác Cần Chấp Thuận²⁹

²⁹ Điều 67, Luật Doanh Nghiệp.

1. Hợp đồng, giao dịch (trừ trường hợp bị cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật) giữa Công Ty với các đối tượng sau đây phải được Hội Đồng Thành Viên chấp thuận:
 - 1.1 Thành Viên hoặc người đại diện theo ủy quyền của Thành Viên; Tổng Giám Đốc, thành viên Ban Kiểm Soát hoặc người đại diện theo pháp luật của Công Ty;
 - 1.2 Người Có Liên Quan của những người quy định tại điểm 1.1 trên;
 - 1.3 Người quản lý của công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
 - 1.4 Người Có Liên Quan của người quy định tại điểm 1.3 trên;
 - 1.5 Bất kỳ Công Ty Con hoặc Công Ty Liên Kết nào của Công Ty.³⁰
2. Người nhân danh Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch được quy định tại Điều 31.1 trên phải thông báo bằng văn bản cho các thành viên Hội Đồng Thành Viên, Ban Kiểm Soát về các đối tượng có liên quan và lợi ích có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch dự định tiến hành. Hội Đồng Thành Viên phải quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Hợp đồng, giao dịch sẽ được chấp thuận bởi Hội Đồng Thành Viên theo quy định của Điều Lệ này và Luật áp dụng. Bất kỳ thành viên Hội Đồng Thành Viên nào có lợi ích liên quan đến hợp đồng, giao dịch đó sẽ không có quyền biểu quyết liên quan đến các hợp đồng, giao dịch đó.
3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của tòa án và xử lý theo quy định của Luật khi được ký kết không đúng quy định tại Điều 31.1 và 31.2 trên. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, bên có lợi ích liên quan và người có liên quan của bên có lợi ích đó tham gia trong hợp đồng, giao dịch phải bồi thường thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho Công Ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó. Hội Đồng Thành Viên có thể phê chuẩn bất kỳ hợp đồng hoặc giao dịch nào như vậy.

Điều 32. Thù Lao, Tiền Lương, Thuởng và Các Lợi Ích Khác Của Người Quản Lý, Người Điều Hành Và Thành Viên Ban Kiểm Soát³¹

1. Mức lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với chủ tịch và thành viên Hội Đồng Thành Viên, trưởng ban và thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc do Hội Đồng Thành Viên xem xét và quyết định trên cơ sở tình hình thực tế và hiệu quả kinh doanh của Công Ty, có tính đến kế hoạch kinh doanh hiện tại, và phải tuân thủ các quy định của Luật áp dụng.³²

³⁰ Điều 67.2.(l) và Điều 72.1.(a), Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

³¹ Điều 66, Luật Doanh Nghiệp; Điều 72.1.(e), Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

³² Điều 72.1.(e), Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

2. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám Đốc và các chức danh quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của Luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật khác có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo Cáo Tài Chính hàng năm của Công Ty.³³
3. Tổng Giám Đốc quyết định lương, thưởng của người lao động (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Thành Viên) dựa trên kinh nghiệm, trình độ của người lao động và các tiêu chí khác mà Tổng Giám Đốc xét thấy có liên quan.³⁴

MỤC 2. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 33. Hội Đồng Thành Viên³⁵

1. Hội Đồng Thành Viên là cơ quan quản trị có quyền ra quyết định cao nhất của Công Ty và có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty.
2. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Thành Viên, kể từ khi thành lập Hội Đồng Thành Viên, là không quá năm (05) năm. Thành viên Hội Đồng Thành Viên có thể được bầu lại hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Thành Viên theo nhiệm kỳ của Hội Đồng Thành Viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Thành Viên bổ sung hoặc thành viên Hội Đồng Thành Viên được bổ nhiệm để thay thế một thành viên Hội Đồng Thành Viên khác là thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Thành Viên. Khi kết thúc nhiệm kỳ của Hội Đồng Thành Viên, Hội Đồng Thành Viên tại thời điểm đó vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình cho đến khi Hội Đồng Thành Viên kế nhiệm tiếp quản công việc.³⁶
3. Hội Đồng Thành Viên bao gồm tối đa năm (05) thành viên là những người đại diện theo ủy quyền của Các Thành Viên và sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Các Thành Viên theo quy định của Luật áp dụng, Điều Lệ này và Các Quy Chế Nội Bộ. Thành viên của Hội Đồng Thành Viên sẽ bao gồm:
 - Tối đa hai (02) thành viên do VPBank bổ nhiệm đại diện cho tổng cộng 50% Vốn Điều Lệ;
 - Tối đa hai (02) thành viên do SMBCCF bổ nhiệm đại diện cho tổng cộng 49% Vốn Điều Lệ;
 - Một (01) thành viên do VCSC bổ nhiệm đại diện cho 1% Vốn Điều Lệ; và
 - Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên sẽ là một trong các đại diện do VPBank bổ nhiệm.
4. Thành viên của Hội Đồng Thành Viên được bổ nhiệm bởi một Thành Viên chỉ có thể

³³ Điều 66.2, Luật Doanh Nghiệp.

³⁴ Điều 49.13, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

³⁵ Điều 55, Luật Doanh Nghiệp; Điều 43, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

³⁶ Điều 43.2, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

2. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám Đốc và các chức danh quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của Luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật khác có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo Cáo Tài Chính hàng năm của Công Ty.³³
3. Tổng Giám Đốc quyết định lương, thưởng của người lao động (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Thành Viên) dựa trên kinh nghiệm, trình độ của người lao động và các tiêu chí khác mà Tổng Giám Đốc xét thấy có liên quan.³⁴

MỤC 2. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 33. Hội Đồng Thành Viên³⁵

1. Hội Đồng Thành Viên là cơ quan quản trị có quyền ra quyết định cao nhất của Công Ty và có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty.
2. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Thành Viên, kể từ khi thành lập Hội Đồng Thành Viên, là không quá năm (05) năm. Thành viên Hội Đồng Thành Viên có thể được bầu lại hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Thành Viên theo nhiệm kỳ của Hội Đồng Thành Viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Thành Viên bổ sung hoặc thành viên Hội Đồng Thành Viên được bổ nhiệm để thay thế một thành viên Hội Đồng Thành Viên khác là thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Thành Viên. Khi kết thúc nhiệm kỳ của Hội Đồng Thành Viên, Hội Đồng Thành Viên tại thời điểm đó vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình cho đến khi Hội Đồng Thành Viên kế nhiệm tiếp quản công việc.³⁶
3. Hội Đồng Thành Viên bao gồm tối đa năm (05) thành viên là những người đại diện theo ủy quyền của Các Thành Viên và sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Các Thành Viên theo quy định của Luật áp dụng, Điều Lệ này và Các Quy Chế Nội Bộ. Thành viên của Hội Đồng Thành Viên sẽ bao gồm:
 - Tối đa hai (02) thành viên do VPBank bổ nhiệm đại diện cho tổng cộng 50% Vốn Điều Lệ;
 - Tối đa hai (02) thành viên do SMBCCF bổ nhiệm đại diện cho tổng cộng 49% Vốn Điều Lệ;
 - Một (01) thành viên do VCSC bổ nhiệm đại diện cho 1% Vốn Điều Lệ; và
 - Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên sẽ là một trong các đại diện do VPBank bổ nhiệm.
4. Thành viên của Hội Đồng Thành Viên được bổ nhiệm bởi một Thành Viên chỉ có thể

³³ Điều 66.2, Luật Doanh Nghiệp.

³⁴ Điều 49.13, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

³⁵ Điều 55, Luật Doanh Nghiệp; Điều 43, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

³⁶ Điều 43.2, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

- bị bãi nhiệm, miễn nhiệm và/hoặc thay thế bởi Thành Viên đó.
5. Hội Đồng Thành Viên có thể sử dụng nhân sự và con dấu của Công Ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.
 6. Hội Đồng Thành Viên có bộ phận hỗ trợ để giúp việc cho Hội Đồng Thành Viên. Việc tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của bộ phận hỗ trợ này do Hội Đồng Thành Viên quyết định theo quy định của Luật áp dụng và Các Quy Chế Nội Bộ.
 7. Hội Đồng Thành Viên có thể thành lập các ủy ban bao gồm Ủy Ban Quản Lý Rủi Ro và Ủy Ban Nhân Sự, các ủy ban khác theo quy định của Luật hoặc khi xét thấy cần thiết để giúp Hội Đồng Thành Viên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Các ủy ban này của Công Ty sẽ bao gồm những người đại diện của VPBank và SMBCCF và tổ chức hoạt động theo nguyên tắc biểu quyết đa số quá bán. Hội Đồng Thành Viên sẽ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy Ban này theo các quy định của NHNNVN.

Điều 34. Tiêu Chuẩn và Điều Kiện Làm Thành Viên Hội Đồng Thành Viên³⁷

Thành viên Hội Đồng Thành Viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập, quản lý hoặc nắm giữ các chức danh của Người Quản Lý, Người Điều Hành hoặc người đại diện theo ủy quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và các quy định của Luật áp dụng khác;
2. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 23 và Điều 24 Điều Lệ này;
3. Có đạo đức nghề nghiệp;
4. Có bằng đại học trở lên;
5. Có ít nhất ba (03) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất năm (05) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc kinh doanh khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất năm (05) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán; và
6. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Luật áp dụng.

Điều 35. Quyền và Nghĩa Vụ Của Hội Đồng Thành Viên³⁸

1. Hội Đồng Thành Viên có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - 1.1 Quyết định nội dung Điều Lệ và việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ;
 - 1.2 Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;

³⁷ Điều 50.1, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

³⁸ Điều 72, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

- 1.3 Xem xét và phê duyệt báo cáo thường niên;
- 1.4 Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập;
- 1.5 Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Điều 128.7 của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng;
- 1.6 Quyết định phương án góp vốn hoặc mua vốn điều lệ (cho dù là phần vốn góp, cổ phần hoặc các hình thức khác) của doanh nghiệp hoặc tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với Vốn Điều Lệ của Công Ty được ghi trong Báo Cáo Tài Chính đã được kiểm toán gần nhất của Công Ty;
- 1.7 Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Công Ty có giá trị từ 20% trở lên so với Vốn Điều Lệ của Công Ty được ghi trong Báo Cáo Tài Chính đã được kiểm toán gần nhất của Công Ty hoặc một tỷ lệ thấp hơn do Hội Đồng Thành Viên quyết định;
- 1.8 Quyết định ký kết các hợp đồng giữa (a) Công Ty với bất kỳ Công Ty Con, Công Ty Liên Kết nào của Công Ty và (b) Công Ty với bất kỳ thành viên nào của Hội Đồng Thành Viên, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Người Có Liên Quan của những người này và các hợp đồng khác theo quy định tại Điều 31 của Điều Lệ này. Trong trường hợp này, thành viên Hội Đồng Thành Viên có liên quan không có quyền biểu quyết;³⁹
- 1.9 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ;
- 1.10 Ban hành các quy chế nội bộ liên quan tới tổ chức, quản trị và hoạt động của Công Ty phù hợp với quy định của Luật (để tránh nhầm lẫn, các quy chế nội bộ này sẽ là các phần của Các Quy Chế Nội Bộ);
- 1.11 Quyết định thành lập các bộ phận hoặc cơ quan chức năng cần thiết cho việc hoạt động của Công Ty;
- 1.12 Đề nghị NHNNVN chấp thuận các vấn đề theo quy định của Luật hoặc Hội Đồng Thành Viên xét thấy cần thiết;
- 1.13 Quyết định tăng hoặc giảm Vốn Điều Lệ và thời điểm và phương thức huy động vốn;
- 1.14 Báo cáo tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công Ty, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Hội Đồng Thành Viên, thành viên Hội Đồng Thành Viên theo yêu cầu của Thành Viên hoặc cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền;
- 1.15 Quyết định mua lại Phần Vốn Góp theo quy định của Luật;
- 1.16 Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm chủ tịch Hội Đồng Thành Viên; quyết định bổ

³⁹ Điều 67.2(1), Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm, và ký kết và chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng, Giám Đốc Tài Chính, giám đốc khối, trung tâm, ủy ban, phòng ban trực thuộc Tổng Giám Đốc; Giám Đốc Chi Nhánh, giám đốc/tổng giám đốc Công Ty Con, trưởng đơn vị sự nghiệp, trưởng văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Thành Viên theo quy định của Các Quy Chế Nội Bộ do Hội Đồng Thành Viên ban hành;

- 1.17 Quyết định mức lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với chủ tịch và các thành viên khác của Hội Đồng Thành Viên, trưởng ban và các thành viên khác của Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng, Giám Đốc Tài Chính, giám đốc khối, trung tâm, phòng ban trực thuộc Tổng Giám Đốc; Giám Đốc Chi Nhánh, giám đốc/tổng giám đốc Công Ty Con, trưởng đơn vị sự nghiệp, trưởng văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Thành Viên theo quy định của Các Quy Chế Nội Bộ do Hội Đồng Thành Viên ban hành;
- 1.18 Thông qua Báo Cáo Tài Chính hàng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của Công Ty;
- 1.19 Quyết định thành lập Công Ty Con, chi nhánh, văn phòng đại diện; hoặc góp vốn thành lập Công Ty Liên Kết;
- 1.20 Quyết định tổ chức lại Công Ty (theo hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc các hình thức tổ chức lại khác);
- 1.21 Quyết định giải thể hoặc yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản của Công Ty;
- 1.22 Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc thực hiện các nghĩa vụ được giao; đánh giá hàng năm về hiệu quả và hiệu suất làm việc của Tổng Giám Đốc;
- 1.23 Quyết định bổ nhiệm bất kỳ người đại diện theo ủy quyền nào đại diện phần vốn góp của Công Ty trong bất kỳ công ty hoặc tổ chức tín dụng nào khác;
- 1.24 Quyết định các chính sách quản trị rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Công Ty;
- 1.25 Quyết định các vấn đề được quy định tại Điều 40 của Điều Lệ này; và
- 1.26 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ này, Các Quy Chế Nội Bộ và Luật áp dụng.

Để làm rõ, nếu và trong phạm vi các vấn đề được quy định tại Điều 35.1 này cũng thuộc các quy định tại Điều 40.3.2 của Điều Lệ này, các vấn đề này sẽ được Hội Đồng Thành Viên chấp thuận theo quy định tại Điều 40.3.2 của Điều Lệ này.

2. Khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, Hội Đồng Thành Viên tuân thủ đúng quy định của Luật, Điều Lệ này và Các Quy Chế Nội Bộ của Hội Đồng Thành Viên. Các

thành viên Hội Đồng Thành Viên đã đồng ý thông qua quyết định trái với Luật, Điều Lệ này và/hoặc Các Quy Chế Nội Bộ mà gây ra tổn thất hoặc thiệt hại cho Công Ty thì phải liên đới chịu trách nhiệm về quyết định đó và chịu trách nhiệm về những tổn thất của Công Ty (và thành viên Hội Đồng Thành Viên phản đối quyết định đó được miễn trừ trách nhiệm).

Điều 36. Quyền và Nghĩa Vụ Của Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên⁴⁰

1. Hội Đồng Thành Viên bầu một thành viên của Hội Đồng Thành Viên trong số những người đại diện do VPBank chỉ định (như được quy định tại Điều 33.3 của Điều Lệ này) làm chủ tịch Hội Đồng Thành Viên.
2. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên của Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - 2.1 Xây dựng chương trình và kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Thành Viên của Công Ty;
 - 2.2 Xây dựng chương trình, nội dung hoặc tài liệu họp Hội Đồng Thành Viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Thành Viên;
 - 2.3 Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội Đồng Thành Viên hoặc tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Thành Viên;
 - 2.4 Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội Đồng Thành Viên;
 - 2.5 Thay mặt Hội Đồng Thành Viên ký các nghị quyết và quyết định của Hội Đồng Thành Viên;
 - 2.6 Bảo đảm các thành viên Hội Đồng Thành Viên nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề (mà Hội Đồng Thành Viên phải xem xét);
 - 2.7 Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội Đồng Thành Viên;
 - 2.8 Giám sát các thành viên Hội Đồng Thành Viên trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền và nghĩa vụ chung;
 - 2.9 Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội Đồng Thành Viên, các ủy ban của Hội Đồng Thành Viên tối thiểu mỗi năm một lần;
 - 2.10 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều Lệ này, Các Quy Chế Nội Bộ của Hội Đồng Thành Viên và Luật.
3. Trường hợp vắng mặt, chủ tịch Hội Đồng Thành Viên phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội Đồng Thành Viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ tịch Hội Đồng Thành Viên. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền hoặc chủ tịch Hội Đồng Thành Viên chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp

⁴⁰ Điều 72.2, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng; Điều 56, Luật Doanh Nghiệp.

hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì một trong số các thành viên Hội Đồng Thành Viên triệu tập họp các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời làm chủ tịch Hội Đồng Thành Viên theo nguyên tắc biểu quyết đa số quá bán, hoặc bằng một quyết định mới do Hội Đồng Thành Viên thông qua; với điều kiện là thành viên đóng vai trò tạm thời này sẽ là một trong số các đại diện của VPBank trong Hội Đồng Thành Viên.

Điều 37. Quyền và Nghĩa Vụ Của Thành Viên Hội Đồng Thành Viên⁴¹

Thành viên Hội Đồng Thành Viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được phân công một cách trung thực và cẩn trọng tuân thủ Các Quy Chế Nội Bộ của Hội Đồng Thành Viên và sự phân công của chủ tịch Hội Đồng Thành Viên vì lợi ích của Công Ty.
2. Có ý kiến hoặc yêu cầu Người Điều Hành của Công Ty, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến Báo Cáo Tài Chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị.
3. Đề nghị chủ tịch Hội Đồng Thành Viên triệu tập cuộc họp Hội Đồng Thành Viên bất thường.
4. Tham dự các cuộc họp Hội Đồng Thành Viên, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Hội Đồng Thành Viên theo quy định của Luật, trừ trường hợp thành viên Hội Đồng Thành Viên không được biểu quyết theo quy định tại Điều 67.2(l) của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng. Thành viên Hội Đồng Thành Viên chịu trách nhiệm trước Thành Viên về những quyết định của mình.
5. Thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội Đồng Thành Viên.
6. Giải trình trước Hội Đồng Thành Viên của Công Ty về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ này, Các Quy Chế Nội Bộ và Luật áp dụng.

Điều 38. Triệu Tập Họp Hội Đồng Thành Viên⁴²

1. Hội Đồng Thành Viên có thể triệu tập cuộc họp định kỳ hoặc bất thường theo yêu cầu của chủ tịch Hội Đồng Thành Viên nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. Cuộc họp Hội Đồng Thành Viên được triệu tập theo yêu cầu của chủ tịch Hội Đồng Thành Viên, Thành Viên hoặc nhóm Thành Viên quy định tại Điều 49.2 và Điều 49.3 của Luật Doanh Nghiệp. Trường hợp chủ tịch Hội Đồng Thành Viên không triệu tập cuộc họp Hội Đồng

⁴¹ Điều 72.3, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

⁴² Điều 57, Luật Doanh Nghiệp.

Thành Viên theo yêu cầu của Thành Viên hoặc nhóm Thành Viên theo Điều này, thì Thành Viên hoặc nhóm Thành Viên đó có thể triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày yêu cầu. Chi phí và phí tổn hợp lý cho việc triệu tập cuộc họp Hội Đồng Thành Viên sẽ được Công Ty hoàn lại. Tất cả nội dung về chương trình họp, thông báo mời họp Hội Đồng Thành Viên cùng với các tài liệu kèm theo và các tài liệu, vấn đề được đưa ra hoặc được đệ trình hoặc được thuyết trình tại cuộc họp Hội Đồng Thành Viên phải được Công Ty chuẩn bị bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh.

2. Cuộc họp Hội Đồng Thành Viên có thể tổ chức tại trụ sở chính của Công Ty hoặc ở nơi khác trên lãnh thổ Việt Nam.

Cuộc họp Hội Đồng Thành Viên (bao gồm bất kỳ ủy ban nào của Hội Đồng Thành Viên) có thể được tổ chức bằng hình thức họp mặt trực tiếp và/hoặc trực tuyến (ví dụ như, họp qua điện thoại hoặc họp qua video hoặc các phương tiện điện tử khác). Mỗi thành viên Hội Đồng Thành Viên luôn có quyền tham dự cuộc họp Hội Đồng Thành Viên bằng hình thức dự họp trực tuyến.

3. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc người triệu tập họp sẽ phải chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp (bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh), và triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Thành Viên. Thành Viên có quyền kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp bằng văn bản. Kiến nghị phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- 3.1 Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của Thành Viên; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền của Thành Viên đưa ra kiến nghị đó;
- 3.2 Tỷ lệ Phần Vốn Góp, số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp;
- 3.3 Nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp; và
- 3.4 Lý do kiến nghị.

Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc người triệu tập họp phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội Đồng Thành Viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định của Luật và được gửi đến trụ sở chính của Công Ty chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày họp Hội Đồng Thành Viên. Trường hợp kiến nghị được gửi ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận bổ sung vào chương trình họp nếu đa số các thành viên Hội Đồng Thành Viên dự họp tán thành.

4. Thông báo mời họp Hội Đồng Thành Viên (được lập bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh) có thể gửi bằng giấy mời hoặc bằng điện thoại, fax hoặc phương tiện điện tử khác và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội Đồng Thành Viên. Thông báo mời họp phải quy định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.

Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho các thành viên Hội Đồng Thành Viên trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ

sung Điều Lệ, thông qua phương hướng và chiến lược phát triển Công Ty, thông qua Báo Cáo Tài Chính hàng năm, hoặc tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Các tài liệu khác phải được gửi chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Trường hợp khẩn cấp, người triệu tập họp có thể gửi thông báo mời họp trong vòng một (01) ngày làm việc trước ngày họp; các tài liệu liên quan có thể được gửi cho các thành viên ngay tại cuộc họp. Cụ thể về các trường hợp họp khẩn cấp, thời gian và hình thức thông báo mời họp khẩn cấp được thực hiện theo Các Quy Chế Nội Bộ của Hội Đồng Thành Viên.

5. Yêu cầu triệu tập cuộc họp Hội Đồng Thành Viên phải lập thành văn bản và có các nội dung chủ yếu sau đây:

5.1 Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của Thành Viên; tỷ lệ Phần Vốn Góp, số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp của từng Thành Viên yêu cầu;

5.2 Lý do yêu cầu triệu tập cuộc họp Hội Đồng Thành Viên và vấn đề cần giải quyết;

5.3 Dự kiến chương trình họp; và

5.4 Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền của Thành Viên yêu cầu.

6. Trường hợp yêu cầu triệu tập cuộc họp Hội Đồng Thành Viên không có đủ nội dung theo quy định tại Điều 38.5 nêu trên, chủ tịch Hội Đồng Thành Viên phải thông báo bằng văn bản về việc không triệu tập cuộc họp Hội Đồng Thành Viên cho Thành Viên, nhóm Thành Viên có liên quan biết trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trong các trường hợp khác, chủ tịch Hội Đồng Thành Viên phải triệu tập cuộc họp Hội Đồng Thành Viên trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trường hợp chủ tịch Hội Đồng Thành Viên không triệu tập cuộc họp Hội Đồng Thành Viên theo quy định thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công Ty và Thành Viên có liên quan.

7. Thành viên Hội Đồng Thành Viên có quyền (i) sử dụng thông dịch viên hoặc phương tiện dịch thuật cho các cuộc họp Hội Đồng Thành Viên và thông dịch viên hoặc đơn vị cung cấp phương tiện dịch thuật sẽ do Công Ty sắp xếp bằng chi phí và phí tổn của mình hoặc (ii) lựa chọn sắp xếp, bằng chi phí và phí tổn của mình, thông dịch viên hoặc phương tiện dịch thuật của riêng mình, bằng việc gửi thông báo cho chủ tịch Hội Đồng Thành Viên; với điều kiện là thành viên có liên quan của Hội Đồng Thành Viên phải đảm bảo rằng thông dịch viên hoặc đơn vị cung cấp phương tiện dịch thuật đó có nghĩa vụ bảo mật các thông tin mật của Công Ty mà mình tiếp cận được trong và liên quan đến cuộc họp và thành viên Hội Đồng Thành Viên đó sẽ phải chịu trách nhiệm trong trường hợp có phát sinh vi phạm về nghĩa vụ bảo mật.

Điều 39. Điều Kiện và Thể Thức Tiến Hành Họp Hội Đồng Thành Viên⁴³

1. Cuộc họp Hội Đồng Thành Viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu hoặc đại diện từ 65% Vốn Điều Lệ trở lên, bao gồm cả trường hợp họp qua điện thoại hoặc họp qua video. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội Đồng Thành Viên có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội Đồng Thành Viên khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán tem kín và phải được chuyển đến cho chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Thành Viên chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 39.1 trên, cuộc họp của Hội Đồng Thành Viên sẽ được triệu tập như sau:
 - 2.1 Việc triệu tập cuộc họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp Hội Đồng Thành Viên triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu hoặc đại diện ít nhất 50% Vốn Điều Lệ của Công Ty trở lên; và
 - 2.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai như quy định trên không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2.1 nêu trên, cuộc họp lần thứ ba có thể được triệu tập trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Hội Đồng Thành Viên được tiến hành không phụ thuộc số người đại diện theo ủy quyền dự họp và số Vốn Điều Lệ được đại diện bởi số thành viên dự họp đó.
3. Người đại diện theo ủy quyền của Thành Viên phải tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Thành Viên.
4. Trường hợp cuộc họp đủ điều kiện quy định tại Điều này không hoàn thành chương trình họp trong thời hạn dự kiến, thì có thể kéo dài phiên họp nhưng thời hạn kéo dài không được quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày khai mạc cuộc họp đó.

Điều 40. Nghị Quyết Hội Đồng Thành Viên⁴⁴

1. Hội Đồng Thành Viên thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng cách biểu quyết tại cuộc họp hoặc hình thức trực tuyến (ví dụ, họp qua điện thoại hoặc họp qua video hoặc các phương tiện điện tử khác) hoặc lấy ý kiến bằng văn bản từ các thành viên Hội Đồng Thành Viên.⁴⁵

⁴³ Điều 58, Luật Doanh Nghiệp.

⁴⁴ Điều 59, Luật Doanh Nghiệp.

⁴⁵ Điều 59.1, Luật Doanh Nghiệp.

2. Nghị quyết và quyết định về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Thành Viên:⁴⁶
 - 2.1 Sửa đổi hoặc bổ sung nội dung của Điều Lệ;
 - 2.2 Quyết định phương hướng phát triển Công Ty;
 - 2.3 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch Hội Đồng Thành Viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám Đốc;
 - 2.4 Thông qua Báo Cáo Tài Chính hàng năm; và
 - 2.5 Tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty.
3. Nghị quyết hoặc quyết định của Hội Đồng Thành Viên được thông qua tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:⁴⁷
 - 3.1 Đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Thành Viên, các vấn đề này phải được tán thành bởi các thành viên dự họp sở hữu hoặc đại diện từ 51% trở lên trên tổng số Vốn Điều Lệ được đại diện bởi tất cả các thành viên dự họp được quyền biểu quyết cho các vấn đề đó, trừ trường hợp quy định tại khoản 3.2 dưới đây;
 - 3.2 Không phụ thuộc vào các quy định khác trong Điều Lệ này, các vấn đề sau đây sẽ được thông qua nếu được tán thành bởi các thành viên dự họp sở hữu hoặc đại diện từ 65% trở lên trên tổng số Vốn Điều Lệ được đại diện bởi tất cả các thành viên dự họp được quyền biểu quyết cho các vấn đề đó:
 - (i) Bất kỳ thay đổi quan trọng nào về bản chất hoặc phạm vi Hoạt Động Kinh Doanh của Công Ty, bao gồm cả việc chuyển địa điểm hoặc mở rộng Hoạt Động Kinh Doanh của Công Ty ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Vì mục đích của điểm 3.2(i) này, “Hoạt Động Kinh Doanh” có nghĩa là hoạt động kinh doanh tài chính tiêu dùng, bao gồm cả việc tiếp thị và cấp các khoản vay cho các sản phẩm xe hai bánh và hàng tiêu dùng, cho vay cá nhân, thẻ tín dụng và bất kỳ hoạt động kinh doanh nào khác có thể được xem là hoạt động kinh doanh tài chính tiêu dùng và được Công Ty thực hiện theo Giấy Phép, như được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm.
 - (ii) Việc thực hiện bất kỳ hành động nào của Công Ty dẫn đến việc hạn chế số vốn hoặc tỷ lệ Vốn Điều Lệ mà bất kỳ Thành Viên nào nắm giữ hoặc dẫn đến việc bất kỳ Thành Viên nào là nhà đầu tư nước ngoài phải chuyển nhượng bất kỳ hoặc toàn bộ Phần Vốn Góp của mình cho một Tổ Chức/Cá Nhân Việt Nam.

⁴⁶ Điều 59.2, Luật Doanh Nghiệp.

⁴⁷ Điều 59.3, Luật Doanh Nghiệp.

- (iii) Công Ty mua lại hoặc định đoạt (cho dù trong một giao dịch riêng lẻ hay một chuỗi các giao dịch có liên quan) bất kỳ hoạt động kinh doanh nào (hoặc phần quan trọng của bất kỳ hoạt động kinh doanh nào) hoặc bất kỳ phần vốn trong bất kỳ công ty nào mà giá trị hoạt động kinh doanh hoặc phần vốn đó vượt quá hai mươi (20)% Giá Trị Vốn Chủ Sở Hữu (hoặc một tỷ lệ khác áp dụng do Hội Đồng Thành Viên quyết định theo nghị quyết được các thành viên đại diện ít nhất 65% Vốn Điều Lệ đồng ý) hoặc mua hoặc định đoạt bất kỳ tài sản trí tuệ quan trọng nào của Công Ty.
- (iv) Hợp nhất, hoặc sáp nhập Công Ty với bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác, tổ chức lại Công Ty hoặc chuyển đổi Công Ty thành công ty cổ phần.
- (v) Việc Công Ty tham gia vào bất kỳ quan hệ đối tác hoặc liên doanh nào (dù có thành lập pháp nhân hay không), hoặc bất kỳ thỏa thuận chia sẻ doanh thu hoặc chia sẻ lợi nhuận nào, liên quan đến Bên Thứ Ba (một “**Liên Doanh**”) mà dự kiến sau năm (5) năm kể từ thời điểm bắt đầu Liên Doanh, doanh thu hàng năm của Liên Doanh đó sẽ đóng góp ít nhất mười (10)% vào doanh thu của Công Ty.

Chi nhằm mục đích của điểm 3.2(v) này, “**Bên Thứ Ba**” có nghĩa là bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác ngoài: (i) VPBank và các Bên Liên Kết tương ứng của VPBank; (ii) SMBCCF và các Bên Liên Kết tương ứng của SMBCCF và, (iii) VCSC và các Bên Liên Kết tương ứng của VCSC; và trong định nghĩa “**Bên Thứ Ba**” này, “**Bên Liên Kết**”, đối với một Tổ Chức/Cá Nhân, nghĩa là bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác Đang Kiểm Soát hoặc Bị Kiểm Soát Bởi Tổ Chức/Cá Nhân thứ nhất, hoặc cùng với Tổ Chức/Cá Nhân thứ nhất được Kiểm Soát bởi một Tổ Chức/Cá Nhân khác.

- (vi) Việc ấn định hoặc thanh toán thù lao cho bất kỳ thành viên nào của Hội Đồng Thành Viên, thành viên Ban Kiểm Soát hoặc Tổng Giám Đốc hoặc việc thông qua bất kỳ chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động nào hoặc cung cấp các lợi ích có tính chất quá mức cho bất kỳ người lao động nào.
- (vii) Việc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm bất kỳ Cán Bộ Điều Hành Cấp Cao nào (ngoại trừ chức danh Tổng Giám Đốc sẽ do VPBank bổ nhiệm và miễn nhiệm; và đối với vị trí Phó Tổng Giám Đốc mà SMBCCF được quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm).

Cho mục đích của điểm 3.2(vii) này, “**Cán Bộ Điều Hành Cấp Cao**” có nghĩa là Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng/Giám Đốc Tài Chính và Giám Đốc Quản Lý Rủi Ro, và các chức danh khác

được Hội Đồng Thành Viên xác định là Cán Bộ Điều Hành Cấp Cao tùy từng thời điểm.

- (viii) Phê duyệt hoặc sửa đổi bất kỳ chính sách hoặc quy định nào của Công Ty liên quan đến Luật PCTNHL hoặc việc quản lý Công Ty liên quan đến vai trò và trách nhiệm của Hội Đồng Thành Viên và các chính sách nhân sự liên quan đến các chức danh Phó Tổng Giám Đốc, hoặc áp dụng bất kỳ biện pháp khắc phục nào do Công ty thực hiện để giải quyết bất kỳ vi phạm nào của Công Ty hoặc các cán bộ của Công Ty đối với Luật PCTNHL hoặc các chính sách hoặc quy định nêu trên.
- (ix) Việc định đoạt đối với, hoặc tạo lập Biện pháp Bảo Đảm đối với, bất kỳ tài sản hoặc giấy phép nào mà, có giá trị vượt quá 10% (đối với định đoạt), và có giá trị vượt quá 20% (đối với Biện Pháp Bảo Đảm), theo từng trường hợp, tính trên tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong Báo Cáo Tài Chính gần nhất.
- (x) Công Ty ký kết, gia hạn hoặc sửa đổi bất kỳ giao dịch, hợp đồng hoặc thỏa thuận nào: (a) với Thành Viên hoặc Bên Liên Kết nào của Thành Viên đó; (b) là một Giao Dịch Với Người Có Liên Quan; (c) ngoài các hoạt động kinh doanh thông thường; hoặc (d) không dựa trên nguyên tắc thương mại bình đẳng.

Cho mục đích của điểm 3.2(x) này, một hoạt động kinh doanh có thể được xem là nằm ngoài các hoạt động kinh doanh thông thường của Công Ty nếu bất kỳ hoạt động kinh doanh nào như vậy không được quy định trong Điều Lệ hoặc Giấy Phép và “**Bên Liên Kết**” của một Thành Viên có nghĩa, đối với một Tổ Chức/Cá Nhân, nghĩa là bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác Đang Kiểm Soát hoặc Bị Kiểm Soát Bởi Tổ Chức/Cá Nhân thứ nhất, hoặc cùng với Tổ Chức/Cá Nhân thứ nhất được Kiểm Soát bởi một Tổ Chức/Cá Nhân khác.

- (xi) Bất kỳ thay đổi nào đối với Giấy Phép hoặc GCNĐKDN, hoặc bất kỳ giấy phép về thành lập và hoạt động nào khác của công ty tài chính tiêu dùng hoặc hoạt động kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công Ty hoặc bất kỳ công ty con nào của Công Ty.
- (xii) (Ngoài quy định tại Điều 18 của Điều Lệ này) bất kỳ việc tăng Vốn Điều Lệ nào hoặc tạo lập, phân bổ hoặc phát hành bất kỳ Phần Vốn Góp nào hoặc cấp hoặc đồng ý cấp bất kỳ quyền chọn hoặc lợi ích (dưới dạng nghĩa vụ có thể chuyển đổi thành Vốn Điều Lệ hoặc hình thức khác) đối

với bất kỳ Phần Vốn Góp nào hoặc bất kỳ phần vốn chưa thực góp của Công Ty (trừ khi có thỏa thuận khác giữa VPBank và SMBCCF).

- (xiii) Bất kỳ việc giảm Vốn Điều Lệ nào của Công Ty.
 - (xiv) Bất kỳ sửa đổi nào đối với Điều Lệ hoặc việc thông qua bất kỳ bản điều lệ mới nào của Công Ty.
 - (xv) Bất kỳ việc bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm công ty kiểm toán của Công Ty (mà không phải là một Công Ty Kiểm Toán Thuộc Nhóm Bốn Công Ty Kiểm Toán Lớn), bất kỳ sửa đổi nào đối với Chính Sách Kế Toán và/hoặc phê duyệt Báo Cáo Tài Chính.
 - (xvi) Công Ty tuyên bố hoặc thanh toán bất kỳ khoản cổ tức hoặc lợi nhuận nào.
 - (xvii) Công Ty thành lập bất kỳ công ty con nào.
 - (xviii) Thay đổi tên và thương hiệu của Công Ty.
 - (xix) Thực hiện bất kỳ hành động nào ngoài hoạt động kinh doanh thông thường mà không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách của Công Ty trong các Năm Tài Chính 2021-2025 (theo sự chấp thuận của Hội Đồng Thành Viên và có thể sửa đổi, bổ sung và thay thế tùy từng thời điểm), Điều Lệ và Giấy Phép của Công Ty.
 - (xx) Công Ty hoặc Hội Đồng Thành Viên cho phép tiếp tục hoặc thành lập bất kỳ ủy ban hoặc cơ quan tương tự nào được thành lập để thực hiện bất kỳ quyền hạn nào của Hội Đồng Thành Viên.
 - (xxi) Các quyết định liên quan đến việc tiến hành (bao gồm cả giải quyết) bất kỳ thủ tục pháp lý hoặc trọng tài nào của Công Ty khi tiềm tàng xảy ra tình huống Công ty có trách nhiệm bồi thường lớn hơn 5% Giá Trị Vốn Chủ Sở Hữu.
 - (xxii) Việc thực hiện bất kỳ thỏa thuận nào với các chủ nợ nói chung hoặc bất kỳ đơn yêu cầu thủ tục hành chính hoặc bổ nhiệm người nhận hoặc quản tài viên hoặc thông qua bất kỳ nghị quyết thành viên nào về việc giải thể hoặc thanh lý Công Ty.
4. Thành viên được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Thành Viên trong trường hợp sau đây:
- 4.1 Thành viên đó tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến;
 - 4.2 Thành viên đó ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến;

- 4.3 Thành viên đó tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; giao tay hoặc hình thức khác; và
 - 4.4 Thành viên đó gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax hoặc thư điện tử.
5. Nghị quyết của Hội Đồng Thành Viên được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 42 và được thông qua nếu được tán thành bởi các thành viên đại diện từ 65% Vốn Điều Lệ trở lên.
6. Cuộc họp của Hội Đồng Thành Viên (bao gồm bất kỳ ủy ban nào của Hội Đồng Thành Viên, trong phạm vi Luật cho phép) có thể tổ chức theo hình thức khác mà không phải là cuộc họp trực tiếp (họp thông qua điện thoại hoặc các phương thức khác) giữa các thành viên Hội Đồng Thành Viên, bất kể việc tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- 6.1. Nghe từng thành viên khác của Hội Đồng Thành Viên tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
 - 6.2. Nếu muốn, phát biểu ý kiến với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này (kể cả việc sử dụng phương thức mà Điều Lệ này được thông qua). Theo Điều Lệ này, thành viên Hội Đồng Thành Viên tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định tại Điều này là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp theo hình thức không phải là họp trực tiếp, nếu được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ, sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp và có thể được ghi nhận bằng các phương tiện điện tử hoặc các hình thức khác. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên có trách nhiệm thu xếp việc ký biên bản họp và các nghị quyết được thông qua bởi tất cả các thành viên tham dự và lưu trữ tại Công Ty trong thời gian sớm nhất có thể sau khi kết thúc cuộc họp.

Điều 41. Biên Bản Họp Hội Đồng Thành Viên⁴⁸

1. Tất cả cuộc họp Hội Đồng Thành Viên phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác; với điều kiện là chỉ các nội dung được ghi nhận vào biên bản họp được các thành viên Hội Đồng Thành Viên thông qua mới có hiệu lực.
2. Biên bản họp Hội Đồng Thành Viên phải được hoàn tất và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản (bao gồm các quyết định được thông qua) của cuộc họp Hội

⁴⁸ Điều 60, Luật Doanh Nghiệp.

Đồng Thành Viên được lập bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Biên bản họp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- 2.1 Tên Công Ty, địa chỉ trụ sở chính, số, ngày cấp và nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty;
 - 2.2 Thời gian và địa điểm họp; mục đích và chương trình họp;
 - 2.3 Họ tên, tỷ lệ Phần Vốn Góp, số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp của Thành Viên hoặc người đại diện theo ủy quyền của Thành Viên dự họp; họ tên, tỷ lệ Phần Vốn Góp, số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp của Thành Viên hoặc người đại diện theo ủy quyền của Thành Viên không dự họp;
 - 2.4 Vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên Hội Đồng Thành Viên về từng vấn đề thảo luận;
 - 2.5 Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ; tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - 2.6 Các quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng;
 - 2.7 Họ tên, chữ ký và nội dung ý kiến của người dự họp không đồng ý thông qua biên bản họp (nếu có);
 - 2.8 Họ tên và chữ ký của người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 41.3 dưới đây.
3. Trường hợp chủ tọa cuộc họp hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp, biên bản này sẽ có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Thành Viên tham dự cuộc họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm từ điểm 2.1 đến điểm 2.7 của Điều 41.2 ở trên. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội Đồng Thành Viên.

Điều 42. Thủ Tục Thông Qua Nghị Quyết Của Hội Đồng Thành Viên Theo Hình Thức Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản⁴⁹

1. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Thành Viên bằng văn bản để thông qua các nghị quyết hoặc quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội Đồng Thành Viên.
2. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo, gửi các báo cáo, tờ trình về nội dung cần quyết định, dự thảo nghị quyết hoặc quyết định và phiếu lấy ý kiến đến các thành viên Hội Đồng Thành Viên. Thư ký Hội Đồng Thành Viên chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết và có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên

⁴⁹ Điều 61, Luật Doanh Nghiệp.

lạc hoặc địa chỉ thư điện tử đã đăng ký của từng thành viên Hội Đồng Thành Viên nhằm đảm bảo rằng tất cả các thành viên đều có thể nhận được các tài liệu này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 3.1 Tên Công Ty, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp GCNĐKDN của Công Ty;
 - 3.2 Họ tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân, tỷ lệ Phần Vốn Góp mà thành viên Hội Đồng Thành Viên đại diện;
 - 3.3 Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - 3.4 Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công Ty; và
 - 3.5 Họ tên và chữ ký của chủ tịch Hội Đồng Thành Viên.
4. Phiếu lấy ý kiến sẽ được xem là hợp lệ nếu có nội dung đầy đủ chữ ký của thành viên Hội Đồng Thành Viên và được gửi (gửi trực tiếp, bằng thư điện tử, fax, thư tay hoặc các hình thức chuyển giao khác) về Công Ty trong thời hạn quy định tại phiếu lấy ý kiến nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày gửi phiếu lấy ý kiến cho thành viên. Bất kỳ phiếu lấy ý kiến nào gửi về Công Ty sau thời hạn quy định đều sẽ không hợp lệ. Nội dung phiếu lấy ý kiến phải nêu rõ các vấn đề mà thành viên Hội Đồng Thành Viên đó tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến.
5. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên tổ chức việc kiểm phiếu, lập báo cáo và thông báo kết quả kiểm phiếu, quyết định hoặc nghị quyết được thông qua đến các thành viên Hội Đồng Thành Viên trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn mà thành viên phải gửi ý kiến về Công Ty. Báo cáo kết quả kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Hội Đồng Thành Viên và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 5.1 Mục đích và nội dung lấy ý kiến;
 - 5.2 Họ tên, tỷ lệ Phần Vốn Góp đại diện, số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp của Thành Viên đã gửi lại phiếu lấy ý kiến hợp lệ; họ tên, tỷ lệ Phần Vốn Góp, số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Phần Vốn Góp của Thành Viên mà Công Ty không nhận lại được phiếu lấy ý kiến hoặc đã gửi lại phiếu lấy ý kiến nhưng không hợp lệ;
 - 5.3 Vấn đề được lấy ý kiến và biểu quyết; tóm tắt ý kiến của thành viên Hội Đồng Thành Viên về từng vấn đề lấy ý kiến (nếu có);
 - 5.4 Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - 5.5 Các quyết định hoặc nghị quyết được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng;

- 5.6 Họ tên và chữ ký của người kiểm phiếu và chủ tịch Hội Đồng Thành Viên. Người kiểm phiếu và chủ tịch Hội Đồng Thành Viên chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của nội dung báo cáo kết quả kiểm phiếu.
6. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết và quyết định của Hội Đồng Thành Viên thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội Đồng Thành Viên trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết hoặc quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được Công Ty lập bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 43. Hiệu Lực Nghị Quyết và Quyết Định Của Hội Đồng Thành Viên⁵⁰

1. Nghị quyết hoặc quyết định của Hội Đồng Thành Viên có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi tại nghị quyết hoặc quyết định đó.
2. Nghị quyết hoặc quyết định của Hội Đồng Thành Viên được thông qua bằng 100% tổng Vốn Điều Lệ là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trong trường hợp trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết hoặc quyết định đó không được thực hiện đúng quy định của Luật.
3. Trường hợp Thành Viên hoặc nhóm Thành Viên yêu cầu tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết hoặc quyết định đã được thông qua thì nghị quyết hoặc quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định hủy bỏ của tòa án hoặc trọng tài có hiệu lực pháp luật, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT

Điều 44. Ban Kiểm Soát⁵¹

1. Ban Kiểm Soát sẽ thực hiện việc kiểm toán nội bộ, kiểm soát và đánh giá việc chấp hành quy định của Luật, Điều Lệ này, Các Quy Chế Nội Bộ và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên.
2. Ban Kiểm Soát của Công Ty gồm ba (03) thành viên; trong đó phải có ít nhất hai (02) thành viên là thành viên chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Công Ty hoặc các doanh nghiệp khác. VPBank và SMBCCF mỗi bên sẽ bổ nhiệm một (01) thành viên Ban Kiểm Soát. Các thành viên của Ban Kiểm Soát bầu một (01) thành viên làm Trưởng Ban.
3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát, kể từ khi thành lập Ban Kiểm Soát, là không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm Soát được áp dụng theo nhiệm kỳ của

⁵⁰ Điều 62, Luật Doanh Nghiệp.

⁵¹ Điều 44, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

- Ban Kiểm Soát. Thành viên Ban Kiểm Soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Vào thời điểm hết nhiệm kỳ hoạt động của Ban Kiểm Soát đã được thành lập, Ban Kiểm Soát này vẫn tiếp tục nhiệm kỳ và thực hiện các quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban Kiểm Soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
4. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm Soát không đủ hai (02) thành viên thì trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Các Thành Viên phải bổ nhiệm đủ số lượng thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định tại Điều Lệ này.
 5. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm Soát:⁵²
 - 5.1 Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 23.3 và Điều 24 của Điều Lệ này;
 - 5.2 Có đạo đức nghề nghiệp;
 - 5.3 Có bằng đại học trở lên trong ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất ba (03) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - 5.4 Không phải là Người Có Liên Quan của Người Quản Lý của Công Ty;
 - 5.5 Thành Viên Ban Kiểm Soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
 - 5.6 Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong ba (03) Năm Tài Chính gần nhất;
 - 5.7 Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Luật áp dụng.
 6. Ban Kiểm Soát phải họp ít nhất mỗi tháng một lần để (a) xem xét, đánh giá và thông qua các báo cáo của Ban Kiểm Soát về hoạt động kiểm soát hàng tháng của Ban Kiểm Soát và trình Hội Đồng Thành Viên, (b) thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm Soát, (c) tham gia vào các vấn đề khác liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát.⁵³
 7. Thành viên Ban Kiểm Soát có quyền (i) sử dụng thông dịch viên hoặc phương tiện dịch thuật cho các cuộc họp Ban Kiểm Soát và thông dịch viên hoặc phương tiện dịch thuật sẽ do Công Ty sắp xếp bằng chi phí và phí tổn của Công Ty; hoặc (ii) lựa chọn tự sắp xếp, bằng chi phí và phí tổn của mình, thông dịch viên hoặc phương tiện dịch thuật của riêng mình, bằng việc gửi thông báo cho trưởng Ban Kiểm Soát; với điều kiện là thành viên có liên quan của Ban Kiểm Soát phải đảm bảo rằng thông dịch viên hoặc đơn vị cung cấp phương tiện dịch thuật đó có nghĩa vụ bảo mật các thông tin mật của Công Ty mà mình tiếp cận được trong và/hoặc liên quan đến cuộc họp và thành viên Ban Kiểm

⁵² Điều 50.3, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

⁵³ Điều 65.3 và Điều 106.3, Luật Doanh Nghiệp.

- Soát đó sẽ phải chịu trách nhiệm trong trường hợp có phát sinh vi phạm về nghĩa vụ bảo mật.
8. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát (bao gồm bất kỳ ủy ban nào (nếu có) của Ban Kiểm Soát) có thể tổ chức theo hình thức cuộc họp trực tiếp hoặc cuộc họp trực tuyến (ví dụ, họp thông qua điện thoại, họp thông qua video hoặc các phương tiện điện tử khác), với điều kiện là (đối với cuộc họp trực tuyến (ví dụ, họp thông qua điện thoại, họp thông qua video hoặc các phương tiện điện tử khác)) mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: (a) nghe từng thành viên khác của Ban Kiểm Soát tham gia phát biểu trong cuộc họp; và (b) nếu muốn, phát biểu ý kiến với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Thành viên Ban Kiểm Soát tham gia cuộc họp trực tuyến (ví dụ, họp thông qua điện thoại, họp thông qua video hoặc các phương tiện điện tử khác) được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó và địa điểm cuộc họp được trực tuyến là địa điểm mà trưởng Ban Kiểm Soát hiện diện.
 9. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp theo hình thức không phải là họp trực tiếp sẽ, nếu được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp và có thể được ghi nhận bằng các phương tiện điện tử hoặc các hình thức khác. Trưởng Ban Kiểm Soát có trách nhiệm thu xếp việc ký biên bản họp và các nghị quyết (nếu có) được thông qua bởi tất cả các thành viên tham dự và lưu trữ tại Công Ty trong thời gian sớm nhất có thể sau khi kết thúc cuộc họp.
 10. Quyết định của Ban Kiểm Soát được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp đồng ý và các quyết định đó phải được ghi chép đầy đủ, chính xác và báo cáo Hội Đồng Thành Viên. Trong trường hợp quyết định của Ban Kiểm Soát được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, các thành viên Ban Kiểm Soát phải cung cấp cho Công Ty các phiếu lấy ý kiến đã hoàn tất trong thời hạn do Công Ty quy định và trong mọi trường hợp không quá bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phiếu lấy ý kiến được gửi đến các thành viên. Bất kỳ phiếu lấy ý kiến nào gửi về Công Ty sau thời hạn quy định sẽ bị xem là phiếu không hợp lệ. Nội dung phiếu lấy ý kiến phải nêu rõ các vấn đề mà thành viên Ban Kiểm Soát đó tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến.
 11. Mọi ý kiến của Ban Kiểm Soát ngoài những vấn đề đã được thông qua cũng phải được ghi chép đầy đủ, chính xác và báo cáo Hội Đồng Thành Viên.⁵⁴

Điều 45. Nhiệm Vụ và Quyền Hạn Của Ban Kiểm Soát⁵⁵

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật, Điều Lệ này và Quy Chế Nội Bộ trong việc quản trị, điều hành Công Ty, chịu trách nhiệm trước Các Thành Viên trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ công việc và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty.
3. Ban hành Quy Chế Nội Bộ của Ban Kiểm Soát và định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy

⁵⁴ Điều 106.4, Luật Doanh Nghiệp.

⁵⁵ Điều 45, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

Chế Nội Bộ của Ban Kiểm Soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo;

4. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ của Công Ty.
5. Sử dụng tư vấn kiểm toán độc lập và được tiếp cận, cung cấp (đầy đủ, chính xác và kịp thời) thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý và điều hành của Công Ty để thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.
6. Thẩm định Báo Cáo Tài Chính bán niên và hàng năm của Công Ty; báo cáo Các Thành Viên về kết quả thẩm định Báo Cáo Tài Chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập Báo Cáo Tài Chính. Ban Kiểm Soát có thể tham khảo ý kiến của Hội Đồng Thành Viên trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Các Thành Viên.
7. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định hoặc nghị quyết của Hội Đồng Thành Viên phù hợp với quy định của Luật. Ban Kiểm Soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm Soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
8. Kịp thời thông báo cho Hội Đồng Thành Viên khi phát hiện Người Quản Lý có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
9. Lập danh sách Người Có Liên Quan của thành viên Hội Đồng Thành Viên, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc của Công Ty; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
10. Đề nghị Hội Đồng Thành Viên họp bất thường theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và Điều Lệ này.
11. Tuân thủ Các Quy Chế Nội Bộ của Ban Kiểm Soát.
12. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều Lệ này và Luật áp dụng.

Điều 46. Quyền và Nghĩa Vụ của Trưởng Ban Kiểm Soát⁵⁶

Trưởng Ban Kiểm Soát của Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm Soát quy định tại Điều 45 của Điều Lệ này.
2. Chuẩn bị chương trình họp của Ban Kiểm Soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm Soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm Soát.
3. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm Soát.

⁵⁶ Điều 46, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

4. Thay mặt Ban Kiểm Soát xem xét và ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm Soát.
5. Thay mặt Ban Kiểm Soát đề nghị Hội Đồng Thành Viên họp bất thường.
6. Tham dự cuộc họp Hội Đồng Thành Viên, phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết.
7. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội Đồng Thành Viên nếu ý kiến của trưởng Ban Kiểm Soát khác với nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên và sau đó báo cáo các Thành Viên về vấn đề này.
8. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm Soát.
9. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm Soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm Soát phải xem xét.
10. Giám sát, chỉ đạo việc thành viên Ban Kiểm Soát thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát.
11. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm Soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
12. Xem xét, đề nghị Hội Đồng Thành Viên bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng Ban Kiểm Toán nội bộ hoặc chức danh tương đương.
13. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều Lệ này và Quy Chế Nội Bộ của Ban Kiểm Soát.

Điều 47. Quyền và Nghĩa Vụ của Thành Viên Ban Kiểm Soát⁵⁷

Thành viên Ban Kiểm Soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ quy định của Luật, Điều Lệ này và Các Quy Chế Nội Bộ của Ban Kiểm Soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công Ty và Các Thành Viên.
2. Bầu một thành viên Ban Kiểm Soát làm trưởng Ban Kiểm Soát.
3. Yêu cầu trưởng Ban Kiểm Soát triệu tập các cuộc họp Ban Kiểm Soát bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, Báo Cáo Tài Chính của Công Ty và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Công Ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo trưởng Ban Kiểm Soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về những đánh giá và kết luận của mình.

⁵⁷ Điều 47, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

7. Tham dự cuộc họp của Ban Kiểm Soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm Soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên Ban Kiểm Soát đó.
8. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều Lệ này và Quy Chế Nội Bộ của Ban Kiểm Soát.

MỤC 4. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 48. Tổng Giám Đốc⁵⁸

1. Hội Đồng Thành Viên bổ nhiệm một ứng cử viên do VPBank chỉ định làm Tổng Giám Đốc.
2. Tổng Giám Đốc là người điều hành cao nhất của Công Ty, chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Thành Viên về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám Đốc:
 - 3.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
 - 3.2 Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 23.3 và Điều 24.5 của Điều Lệ này;
 - 3.3 Không phải là Người Có Liên Quan của chủ tịch Hội Đồng Thành Viên;
 - 3.4 Có đạo đức nghề nghiệp;
 - 3.5 Có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;
 - 3.6 Có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc là tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc (phó giám đốc) của doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức Vốn Pháp Định và làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất mười (10) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; và
 - 3.7 Cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
4. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá năm (05) năm và Tổng Giám Đốc có thể được Hội Đồng Thành Viên bổ nhiệm lại sau khi hết nhiệm kỳ với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 49. Quyền và Nghĩa Vụ Của Tổng Giám Đốc⁵⁹

1. Tổng Giám Đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

⁵⁸ Điều 48 và Điều 50, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng; Điều 63.1 và Điều 64, Luật Doanh Nghiệp.

⁵⁹ Điều 49, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng; Điều 63.2, Luật Doanh Nghiệp.

- 1.1 Tổ chức thực hiện nghị quyết và quyết định của Hội Đồng Thành Viên;
- 1.2 Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty theo Điều Lệ, Các Quy Chế Nội Bộ và Luật áp dụng;
- 1.3 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;
- 1.4 Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;
- 1.5 Lập và trình Báo Cáo Tài Chính của Công Ty cho Hội Đồng Thành Viên thông qua; chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Báo Cáo Tài Chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- 1.6 Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ (và, để tránh nhầm lẫn, các quy chế, quy định nội bộ này sẽ cấu thành một phần của Quy Chế Nội Bộ); quy trình, thủ tục quản lý hệ thống hoạt động kinh doanh, quy trình, thủ tục nghiệp vụ vận hành quản trị kinh doanh, hệ thống thông tin, báo cáo được giao, ủy quyền bởi Hội Đồng Thành Viên;
- 1.7 Báo cáo Hội Đồng Thành Viên, Ban Kiểm Soát và cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Công Ty theo quy định của Luật;
- 1.8 Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội Đồng Thành Viên;
- 1.9 Kiến nghị và đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công Ty trình Hội Đồng Thành Viên để chấp thuận;
- 1.10 Đề nghị Hội Đồng Thành Viên họp bất thường theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và Điều Lệ này;
- 1.11 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đánh giá, kỷ luật và xếp lương cho các chức danh quản lý, điều hành của Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Hội Đồng Thành Viên;
- 1.12 Ký kết hợp đồng nhân danh Công Ty theo quy định của Điều Lệ và Quy Chế Nội Bộ của Công Ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Thành Viên;
- 1.13 Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Công Ty;
- 1.14 Ký kết các văn bản tuyển dụng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động và các vấn đề khác trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của Luật, Điều Lệ này và Quy Chế Nội Bộ;
- 1.15 Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội Đồng Thành Viên, Ban Kiểm Soát, NHNNVN và các cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền theo quy định của Luật đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình;



- 1.16 Kiến nghị Hội Đồng Thành Viên xử lý trường hợp Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng vi phạm các quy định của Điều Lệ này và Luật;
 - 1.17 Thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo Điều Lệ này, Luật áp dụng và các nghị quyết của Hội Đồng Thành Viên; và
 - 1.18 Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại của Luật và Điều Lệ này và Quy Chế Nội Bộ.
2. Tổng Giám Đốc có quyền giao cho người khác được cho là phù hợp, bằng một văn bản ủy quyền, để thực hiện các quyền, nhiệm vụ, trách nhiệm trên theo từng thời điểm.

Điều 50. Phòng Ban, Bộ Phận Hỗ Trợ và Nhân Sự

1. Công Ty có thể thành lập các phòng ban hoặc bộ phận chuyên trách cần thiết cho hoạt động của Công Ty. Việc thành lập và cơ cấu nhân sự cho các phòng ban và bộ phận này sẽ do Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc quyết định phù hợp với thẩm quyền và quyền hạn tương ứng của Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc.
2. Giúp việc cho Tổng Giám Đốc là các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính hoặc Kế Toán Trưởng, giám đốc hoặc trưởng khối, phòng, ban, ủy ban, trung tâm, chi nhánh và các vị trí khác theo quy định của Các Quy Chế Nội Bộ.
3. Hội Đồng Thành Viên sẽ bổ nhiệm ứng viên do SMBCCF chỉ định làm Phó Tổng Giám Đốc của Công Ty.
4. Phó Tổng Giám Đốc sẽ hỗ trợ Tổng Giám Đốc quản lý hoạt động hàng ngày của Công Ty.
5. Hội Đồng Thành Viên sẽ quyết định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận hỗ trợ cho Tổng Giám Đốc.
6. Các điều kiện và tiêu chuẩn chung đối với Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính hoặc Kế Toán Trưởng, giám đốc của chi nhánh, giám đốc của Công Ty Con và các chức danh tương tự:
 - 6.1 Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 23.1 của Điều Lệ này;
 - 6.2 Phó Tổng Giám Đốc không thuộc đối tượng quy định tại Điều 23.3 của Điều Lệ này;
 - 6.3 Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất ba (03) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
 - 6.4 Cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm; và

6.5 Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Luật áp dụng.

MỤC 5. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 51. Người Lao Động và Công Đoàn

1. Việc thành lập và hoạt động công đoàn của người lao động tại Công Ty thực hiện theo quy định của Luật áp dụng.
2. Tổng Giám Đốc có trách nhiệm xây dựng các quy định liên quan đến việc tuyển dụng và thuê lao động, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng - kỷ luật và các vấn đề khác liên quan đến người lao động của Công Ty cũng như quan hệ giữa Công Ty với tổ chức công đoàn, trình Hội Đồng Thành Viên thông qua trên cơ sở tuân thủ quy định của Luật và phù hợp với quyết định của Hội Đồng Thành Viên.

CHƯƠNG IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO

MỤC 1. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 52. Chế Độ Tài Chính và Năm Tài Chính

1. Chế độ tài chính của Công Ty được thực hiện theo quy định của Luật áp dụng.
2. Hội Đồng Thành Viên sẽ thông qua các quy chế tài chính của Công Ty để triển khai thực hiện công tác tài chính-kế toán cho Công Ty.
3. Năm Tài Chính của Công Ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm dương lịch.
4. Công Ty thực hiện quyền kiểm soát về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh, thực hiện các nghĩa vụ và cam kết của Công Ty theo quy định của Luật.

Điều 53. Hệ Thống Kế Toán

1. Công Ty sẽ áp dụng và tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán Việt Nam áp dụng theo quy định của Luật áp dụng.
2. Công Ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Sổ sách kế toán được lập theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công Ty; sổ sách kế toán này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để chứng minh và giải thích được về các giao dịch của Công Ty.
3. Công Ty thực hiện phương pháp kế toán phù hợp với hệ thống kế toán do NHNNVN quy định.

Điều 54. Kiểm Toán Độc Lập⁶⁰

1. Trước khi kết thúc Năm Tài Chính, Hội Đồng Thành Viên phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Luật để kiểm toán các hoạt động của Công Ty trong Năm Tài Chính tiếp theo. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Công Ty phải thông báo cho NHNNVN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
2. Báo Cáo Tài Chính của Công Ty phải được kiểm toán trong thời hạn ba (03) tháng sau khi kết thúc Năm Tài Chính hoặc (nếu Luật áp dụng quy định thời hạn ít hơn ba (03) tháng) thì phải trong thời hạn ít hơn đó.
3. Hội Đồng Thành Viên, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành khác phải họp, đánh giá kỹ lưỡng về báo cáo kiểm toán và các kiến nghị của kiểm toán độc lập, đưa ra kế hoạch và thời gian biểu thực hiện các kiến nghị của kiểm toán độc lập và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đó.
4. Công Ty phải thực hiện kiểm toán độc lập lại bởi tổ chức kiểm toán độc lập khác theo quy định của Luật áp dụng trong trường hợp báo cáo kiểm toán của bất kỳ Năm Tài Chính nào có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.
5. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Công Ty được thực hiện theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng, Luật về kiểm toán và các quy định của Luật áp dụng khác.

MỤC 2. TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 55. Trích Lập Các Quỹ⁶¹

1. Công Ty phải trích lập các quỹ sau:
 - 1.1 Quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều Lệ;
 - 1.2 Quỹ dự phòng tài chính;
 - 1.3 Các quỹ khác theo quy định của Luật.
2. Công Ty có thể trích lập thêm các quỹ sau trong phạm vi Luật cho phép:
 - 2.1 Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ;
 - 2.2 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm;
 - 2.3 Quỹ khen thưởng;
 - 2.4 Quỹ phúc lợi;
 - 2.5 Các quỹ khác theo quy định của Các Quy Chế Nội Bộ.
3. Các vấn đề khác liên quan đến việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên được thực hiện theo quyết định của Hội Đồng Thành Viên, Các Quy Chế Nội Bộ và quy định của Luật

⁶⁰ Điều 42, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

⁶¹ Điều 139, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

áp dụng.

4. Công Ty không được dùng các quỹ được quy định tại Điều 55.1 và 55.2 này để phân chia lợi nhuận cho Các Thành Viên.

Điều 56. Mua, Đầu Tư Vào Tài Sản Cố Định⁶²

Công Ty được quyền mua và đầu tư vào tài sản cố định để phục vụ cho hoạt động của Công Ty với tổng giá trị mua hoặc đầu tư không vượt quá 50% Vốn Điều Lệ và quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều Lệ của Công Ty.

Điều 57. Phân Chia Lợi Nhuận⁶³

1. Công Ty chỉ được chia lợi nhuận cho Các Thành Viên sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Luật và phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi phân chia lợi nhuận.
2. Trường hợp chia lợi nhuận cho Các Thành Viên trái với quy định tại Điều 57.1 trên, Các Thành Viên phải hoàn trả cho Công Ty số tiền, tài sản khác đã nhận hoặc phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty theo tỷ lệ tương ứng với số tiền hoặc tài sản khác chưa hoàn trả cho đến khi Các Thành Viên đã hoàn trả đủ số tiền, tài sản khác đã nhận.
3. Lợi nhuận có thể được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Hội Đồng Thành Viên. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng VND và được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin tài khoản mà Thành Viên cung cấp thì Công Ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
4. Công Ty sẽ không thanh toán lãi suất cho bất cứ lợi nhuận hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan đến lợi nhuận.
5. Hội Đồng Thành Viên có thể quyết định việc tạm ứng lợi nhuận giữa kỳ nếu xét thấy việc tạm ứng này có thể thực hiện phù hợp với tình hình kinh doanh, lợi nhuận của Công Ty và các quy định của Luật áp dụng.

MỤC 3. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 58. Công Bố Thông Tin và Bảo Mật Thông Tin⁶⁴

1. Công Ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho khách hàng (là chủ tài khoản) về giao dịch và số dư trên tài khoản của khách hàng theo yêu cầu của họ.
2. Công Ty có trách nhiệm cung cấp cho NHNNVN thông tin liên quan đến hoạt động

⁶² Điều 140, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

⁶³ Điều 69 và Điều 70, Luật Doanh Nghiệp.

⁶⁴ Điều 13, Điều 14, Điều 25, Điều 142, và Điều 143, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

kinh doanh và được NHNNVN cung cấp thông tin về khách hàng có quan hệ tín dụng với Công Ty theo quy định của NHNNVN.

3. Công Ty được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động của Công Ty.
4. Cán bộ, Người Quản Lý, Người Điều Hành và nhân viên của Công Ty không được tiết lộ bí mật kinh doanh và bí mật thương mại của Công Ty.
5. Công Ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các cơ quan Nhà Nước, công bố thông tin ra công chúng theo đúng các quy định của Luật.
6. Công Ty được quyền bảo mật và từ chối yêu cầu của tổ chức hoặc cá nhân về việc cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản, giao dịch của khách hàng và hoạt động của Công Ty, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền theo quy định của Luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Điều 59. Báo Cáo⁶⁵

1. Công Ty phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Luật, quy định của NHNNVN và Các Quy Chế Nội Bộ về kế toán và thống kê và phải lập và gửi các báo cáo định kỳ cho NHNNVN, và các cơ quan Nhà Nước liên quan khác theo quy định của Luật hoặc các báo cáo theo yêu cầu đột xuất của NHNNVN.
2. Ngoài báo cáo quy định tại Điều 59.1 này, Công Ty có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với NHNNVN trong các trường hợp sau đây:
 - 2.1 Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Công Ty;
 - 2.2 Có những thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành hoạt động hoặc những thay đổi khác có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Công Ty hoặc các trường hợp khác theo quy định của Luật; hoặc
 - 2.3 Thay đổi tên chi nhánh của Công Ty; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới năm (05) ngày làm việc.
3. Công Ty Con, Công Ty Liên Kết của Công Ty có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho NHNNVN khi được yêu cầu.
4. Việc gửi các báo cáo của Công Ty đến các cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền được thực hiện theo quy định của Luật.

Điều 60. Chế Độ Lưu Giữ Tài Liệu⁶⁶

1. Công Ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Công Ty:

⁶⁵ Điều 141, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

⁶⁶ Điều 11, Luật Doanh Nghiệp.

- 1.1 Điều Lệ này, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều Lệ;
 - 1.2 Các Quy Chế Nội Bộ;
 - 1.3 Sổ đăng ký thành viên;
 - 1.4 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy Phép, các giấy phép và giấy chứng nhận khác (nếu có);
 - 1.5 Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; các giấy phép và các giấy chứng nhận khác;
 - 1.6 Tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công Ty;
 - 1.7 Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, biên bản họp Hội Đồng Thành Viên; các nghị quyết, quyết định của Công Ty;
 - 1.8 Báo cáo của Ban Kiểm Soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán;
 - 1.9 Sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm; và
 - 1.10 Các tài liệu khác theo quy định của Luật.
2. Thời hạn và cách thức lưu giữ các tài liệu nêu trên thực hiện theo quy định của Luật.
 3. Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc lưu giữ, quản lý hồ sơ, tài liệu, văn kiện theo đúng quy định tại Điều Lệ này và Luật áp dụng.

CHƯƠNG V

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 61. Giải Quyết Tranh Chấp Nội Bộ

1. “**Tranh Chấp Nội Bộ**” có nghĩa là tranh chấp hoặc khiếu nại giữa một bên là một Thành Viên với một bên là Hội Đồng Thành Viên, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc hoặc Người Quản Lý khác của Công Ty hoặc Thành Viên khác hoặc Công Ty liên quan đến việc tổ chức và hoạt động của Công Ty hoặc quyền của Thành Viên của Công Ty được quy định trong Điều Lệ này, Các Quy Chế Nội Bộ và/hoặc Luật áp dụng.
2. Trong trường hợp phát sinh Tranh Chấp Nội Bộ, các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết Tranh Chấp Nội Bộ đó thông qua hòa giải giữa các bên liên quan.
3. Trường hợp Tranh Chấp Nội Bộ không thể giải quyết được bằng hòa giải trong vòng mười (10) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, các bên liên quan đến Tranh Chấp Nội Bộ đó có quyền đưa Tranh Chấp Nội Bộ đó ra giải quyết chung thẩm bởi trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (“VIAC”) theo các quy tắc của VIAC (“**Các Quy Tắc VIAC**”), Các Quy Tắc VIAC được xem là cấu thành một phần quy định của Điều Lệ này; với điều kiện là nếu và trong phạm vi có thỏa thuận bằng văn bản

giữa các bên liên quan đến việc giải quyết Tranh Chấp Nội Bộ, thỏa thuận đó sẽ được áp dụng. Bất kỳ thủ tục trọng tài nào sẽ được thực hiện bởi ba (03) trọng tài viên được chỉ định phù hợp theo Các Quy Tắc VIAC. Ngôn ngữ trọng tài là tiếng Anh. Phán quyết của hội đồng trọng tài sẽ là chung thẩm và ràng buộc các bên.

Điều 62. Kiểm Soát Đặc Biệt⁶⁷

1. Nếu và trong trường hợp Công Ty bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng, Công Ty sẽ hoạt động theo và chịu sự điều chỉnh của các quy định có liên quan về kiểm soát đặc biệt của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành bao gồm các quy định của NHNNVN. Tất cả các vấn đề phát sinh sẽ được giải quyết theo quy định của Luật áp dụng.

Điều 63. Tổ Chức Lại⁶⁸

1. Công Ty có quyền tổ chức lại (theo các hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý hoặc các hình thức khác) theo quy định của Luật, phụ thuộc vào các chấp thuận của Hội Đồng Thành Viên và chấp thuận bằng văn bản của NHNNVN.
2. Hội Đồng Thành Viên có quyền quyết định việc tổ chức lại Công Ty. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức lại được thực hiện theo quy định của NHNNVN và Luật áp dụng.

Điều 64. Giải Thể⁶⁹

1. Công Ty giải thể trong các trường hợp sau:
 - 1.1 Công Ty tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và phải được NHNNVN chấp thuận bằng văn bản;
 - 1.2 Khi hết thời hạn hoạt động mà Công Ty không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNNVN chấp thuận bằng văn bản;
 - 1.3 Công Ty bị thu hồi Giấy Phép.
2. Điều kiện, thủ tục và các vấn đề khác liên quan đến việc giải thể Công Ty thực hiện theo quy định của Luật áp dụng.

Điều 65. Phá Sản

Nếu Công Ty bị tuyên bố phá sản theo quy định của Luật áp dụng, Công Ty sẽ hoạt động theo và chịu sự điều chỉnh của các quy định có liên quan về phá sản của Luật áp dụng, bao gồm Luật Phá Sản, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tất cả các vấn đề phát sinh sẽ được giải quyết theo quy định của Luật áp dụng.

Điều 66. Thanh Lý

⁶⁷ Điều 145 và Điều 146, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

⁶⁸ Điều 153, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

⁶⁹ Điều 154, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

1. Trong trường hợp Công Ty bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý tài sản của Công Ty được thực hiện theo quy định của Luật về phá sản.
2. Khi giải thể theo quy định tại Điều 64 của Điều Lệ này, Công Ty phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của NHNNVN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do NHNNVN quy định.
3. Công Ty có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.

CHƯƠNG VI

CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 67. Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ

Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Điều Lệ này phải được lập thành văn bản và được Hội Đồng Thành Viên phê chuẩn hợp lệ và có hiệu lực vào ngày được quy định trong văn bản sửa đổi hoặc vào ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn nếu Luật có yêu cầu.

Điều 68. Ngôn Ngữ và Bản Gốc

1. Điều Lệ này được lập và ký kết thành sáu (06) bản gốc tiếng Việt và sáu (06) bản gốc tiếng Anh với hiệu lực pháp lý như nhau, với điều kiện là bản tiếng Việt sẽ có giá trị ưu tiên áp dụng trong trường hợp có sự khác nhau giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, trong đó, một (01) bản được đăng ký với NHNNVN, một (01) bản được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh, nếu Luật có yêu cầu, một (01) bản sẽ được lưu giữ tại trụ sở của Công Ty và một (01) bản cho từng Thành Viên.
2. Điều Lệ này gồm sáu (06) chương, sáu mươi chín (69) điều được áp dụng trong toàn bộ hệ thống Công Ty. Tất cả các cá nhân, đơn vị phụ thuộc, trực thuộc Công Ty và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Điều Lệ này.

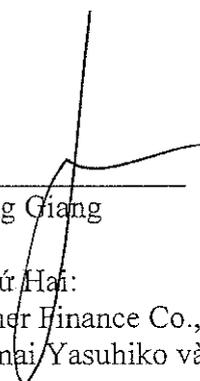
Điều 69. Hiệu Lực

1. Điều Lệ này được Hội Đồng Thành Viên thông qua ngày 14 tháng 9 năm 2021.
2. Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2021 ("**Ngày Hiệu Lực**") và thay thế bất kỳ và tất cả các điều lệ trước đây (bao gồm điều lệ của Công Ty ban hành năm 2018 và các sửa đổi, bổ sung của điều lệ đó). Để tránh nhầm lẫn, trong trường hợp có bất kỳ nội dung mâu thuẫn nào giữa Các Quy Chế Nội Bộ (dù được ban hành vào hoặc trước hoặc sau Ngày Hiệu Lực) với Điều Lệ, Điều Lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Các vấn đề chưa được quy định trong Điều Lệ này sẽ được thực hiện theo quy định của Luật áp dụng. Trong trường hợp bất kỳ nội dung nào của Điều Lệ này trái với các quy định của Luật, nội dung đó sẽ đương nhiên vô hiệu và Công Ty sẽ tự động áp dụng các quy định tương ứng của Luật.

**CHỮ KÝ CỦA TẤT CẢ CÁC THÀNH VIÊN GÓP VỐN
CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NGÂN HÀNG VIỆT NAM
THỊNH VƯỢNG SMBC**

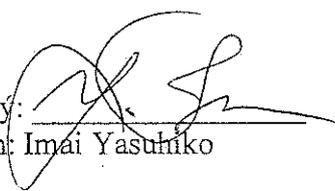
Thành Viên Thứ Nhất:

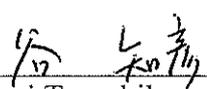
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng
Đại diện bởi: Lô Bằng Giang

Chữ ký: 
Họ tên: Lô Bằng Giang

Thành Viên Thứ Hai:

SMBC Consumer Finance Co., Ltd.
Đại diện bởi: Imai Yasuhiko và Tani
Tomohiko

Chữ ký: 
Họ tên: Imai Yasuhiko

Chữ ký: 
Họ tên: Tani Tomohiko

Thành Viên Thứ Ba:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Bản Việt
Đại diện bởi: Nguyễn Đức Vinh

Chữ ký: 
Họ tên: Nguyễn Đức Vinh

FE CREDIT
CONFIDENTIAL - 11

